



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2013

QL 80, Cụm CN Vàm Cống, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp  
Điện thoại: 0673 680383 - 0673 296800 Fax: 0673 680382  
Email: [idisefood@vnn.vn](mailto:idisefood@vnn.vn)  
Website: [idisefood.com](http://idisefood.com)

**MỤC LỤC**

<b>Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT</b>	3-4
<b>LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG</b>	
<b>I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG</b>	
1.1 Thành lập	5-5
1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ	5-5
1.3 Các sự kiện khác	5-6
<b>II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN</b>	
2.1 Ngành nghề kinh doanh	6-6
2.2 Tóm tắt quá trình hình thành & phát triển	7-7
<b>III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN</b>	9-9
3.1 Các mục tiêu chính của công ty	9-18
3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn	18-18
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<b>I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH</b>	19-21
<b>II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM</b>	22-22
<b>III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014</b>	22-25
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	
<b>I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH &amp; TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>	
1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh	25-28
1.2 Tình hình tài chính	
1.2.1 Các chỉ số tài chính thể hiện khả năng thanh toán	28-28
1.2.2 Các chỉ số thể hiện mức hoạt động	29-29
1.2.3 Các chỉ số thể hiện hệ số nợ	29-29
1.2.4 Các chỉ số thể hiện khả năng sinh lãi	29-30
<b>II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>	
2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ	30-33
2.2 Nguyên vật liệu	33-34
2.3 Trình độ công nghệ	34-36
2.4 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới	37-40
2.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	41-41
2.6 Hoạt động Marketing	41-43
2.7 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)	44-44
2.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	44-44
<b>III/ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014.</b>	
4.1 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013	44-51
4.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014	51-60
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	61-93
<b>TỔ CHỨC &amp; NHÂN SỰ CÔNG TY</b>	
<b>I/ CƠ CẤU TỔ CHỨC</b>	95-95
<b>II/ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC PHÒNG BAN</b>	
2.1 Hội đồng quản trị	95-96
2.2 Ban Tổng giám đốc	96-96
2.3 Ban kiểm soát	96-96
2.4 Các phòng ban khác	96-96
<b>III/ THÔNG TIN HĐQT, BAN GPĐ, BAN KIỂM SOÁT.</b>	97-105
<b>IV/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM</b>	105-105
<b>V/ NGUỒN NHÂN LỰC</b>	
4.1 Lực lượng lao động	105-106
4.2 Chính sách đối với người lao động	106-106
4.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo	106-106
<b>THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	
<b>I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	
1.1 Hội đồng quản trị	107-107
1.2 Ban kiểm soát	107-107
<b>II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG</b>	
2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	107-107
2.2 Danh sách cổ đông sáng lập	107-107
2.3 Cơ cấu cổ đông	107-108
2.4 Doanh nghiệp là cổ đông lớn của IDI	109-110
2.5 Doanh nghiệp mà IDI đang nắm quyền kiểm soát	110-111

## THƯ NGỎ ! CHỦ TỊCH HĐQT.CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA (IDI)

*Kính thưa quý cổ đông!*



Một năm đầy cam go đã qua đi, thay mặt HĐQT C.ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia tôi xin chân thành gửi tới quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác ngân hàng cùng toàn thể cán bộ nhân viên lời cảm ơn sâu sắc nhất. Tôi hy vọng rằng với những thông điệp được truyền tải tại ngay khán phòng này và trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng sẽ giúp quý vị hiểu thêm về khát vọng vươn lên của IDI trong một năm qua và những năm tiếp theo.

Với niềm tin vững chắc và kỳ vọng vào sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, tạo lực đẩy cho sự phát triển của ngành nông nghiệp, thủy sản Việt Nam, sự thịnh vượng đi lên của quốc gia, tình yêu với con người và thiên nhiên xanh của đất nước, Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia đã và đang nỗ lực không ngừng để ngày càng lớn mạnh, thương hiệu thủy sản IDI phát triển bền vững trên thị trường thế giới.

Thực tiễn đã chứng minh, kết quả đạt được của IDI trong năm 2013 về doanh số vượt gần 10% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt trên 10% trên vốn cổ phần. Năm qua cũng là năm mà IDI tiếp tục đứng trong top 5 các doanh nghiệp xuất khẩu cá Tra lớn nhất của VN. Có thể những con số này chưa đạt so với kỳ vọng của tất cả chúng ta nhưng đó là công sức, trí tuệ, mồ hôi là tình đoàn kết gắn bó của Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty trước tình hình kinh tế khó khăn như năm vừa qua. Trong năm 2014, Nhà máy Chế biến Dầu ăn cao cấp Sao Mai đã hoàn thành với quy trình sản xuất hiện đại được nhập từ Châu Âu, với đội ngũ nhân viên cần cù, năng động và sáng tạo, nắm bắt được "*bí quyết cốt lõi*" của công nghệ, vận hành, kết hợp với nguồn nguyên liệu sẵn có tại thủ phủ của con cá da trơn của Việt Nam đã làm phong phú thêm cho ngành hàng của IDI, cung cấp cho thị trường dầu ăn nội địa và quốc tế thêm một sản phẩm tuyệt vời và độc đáo. Đó là những giọt dầu giàu giá trị dinh dưỡng rất tốt đối với sức khỏe của con người, là sản phẩm có giá trị kinh tế cao cho doanh nghiệp và đất nước. Dầu ăn Cao cấp Sao Mai ra đời được kết tinh từ trí tuệ của tập thể Đại gia đình IDI với công nghệ tiên tiến của khoa học kỹ thuật trên thế giới. Ở phạm vi quốc tế, Dầu ăn cao cấp Sao Mai còn là hàng hóa mang tên "*lòng tự tôn dân tộc*".

Kính thưa quý vị !

Chúng ta đã qua 6 năm xây dựng một thương hiệu, thương hiệu đó đang có chỗ đứng vững chắc trong lòng người tiêu dùng nói chung và các đối tác chiến lược nói riêng. Bởi vậy, dù trong hoàn cảnh nào, chúng ta cũng không thể buông xuôi, không thể đầu hàng. Có thể thấy, thời gian qua và ngay tại thời điểm này có khá nhiều doanh nghiệp thủy sản lâm vào "thế bí", sản phẩm thủy sản Việt Nam phải đối mặt với nhiều rào cản "*chính sách duy ý chí*" của một số thị trường nhưng sản phẩm của IDI vẫn có thể đứng riêng của mình tại nhiều thị phần trên thế giới, điều đó thật đáng tự hào, cảm động ! Chúng ta không được để khách hàng và tất cả các đối tác thất vọng về mình. Hơn lúc nào hết, lúc này chúng ta phải hợp sức thành một khối, vững vàng chèo chống. Bởi IDI còn là tất cả chúng ta còn.

Có thể khẳng định rằng, cho đến bây giờ, mỗi chúng ta đã được thụ hưởng xứng đáng từ thành quả lao động, đầu tư của mình. Nhìn lại chặng đường đi qua, tất cả những ai còn ở bên IDI lúc này đều là những người "*thủy chung*". Nhiều nhà đầu tư bao nhiêu năm nay đã trở thành "*người nhà*" của IDI, thân quen, gần gũi. Tuy có lúc thành công, có khi gian truân, nhưng tất cả chúng ta đã luôn kề vai sát cánh bên nhau, thành quả cùng hưởng, khó khăn cùng chung vai gánh vác.

Chúng tôi cũng chân thành mong giới báo chí - truyền thông có cái nhìn tích cực, lạc quan đối với doanh nghiệp, bởi một tiếng nói động viên trong lúc này cũng là một sự tiếp sức, ủng hộ quý giá. Phần lớn doanh nghiệp VN đang trong hoàn cảnh khó khăn chung chông chát lên khó khăn riêng, nếu có thể nương tựa vào nhau, hỗ trợ nhau thì sẽ không ai gục ngã, hợp sức lại mọi người sẽ cùng tiến bước.

Một lần nữa, HĐQT xin chân thành cảm ơn và ước mong nhận được tiếng nói đồng thuận của tất cả quý vị trong hành trình phát triển của IDI. Kính chúc tất cả mọi người một năm mới hạnh phúc và thành công!

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**

**(Đã ký)**

**Lê Thanh Thuận**



## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

### 1.1 Thành lập

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI được thành lập năm 2003 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 11 số 0303141296 ngày 30/10/2013.

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Tên tiếng Anh : International Development & Investment Corporation.
- Tên viết tắt : Công ty Cổ phần I.D.I
- Vốn điều lệ đăng ký : 380.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp : 380.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ ĐKKD: Quốc lộ 80. Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại : 067 3680 383 Fax: 067 3680 382
- Website : www.idiseafood.com
- Email : idiseafood@vnn.vn
- Mã số thuế : 0303141296

### 1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động đến nay như sau:

- *Đăng ký lần đầu:* Vốn điều lệ hoạt động là 29 tỷ đồng.
- *Thay đổi lần 1:* Tăng từ 29 tỷ đồng lên 47,94 tỷ đồng, tăng thêm 18,94 tỷ đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20 triệu đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.
- *Thay đổi lần 2:* Tăng từ 47,94 tỷ đồng lên 91,474 tỷ đồng, tăng thêm 43,534 tỷ đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2007.
- *Thay đổi lần 3:* Tăng từ 91,474 tỷ đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số: 068/07-IDI ngày 18/9/2007, kèm theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 30/6/2008.
- *Tăng vốn lần 4:* Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 11/05/2010, căn cứ theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán phía nam (AASCS) ngày 24/8/2010.

### 1.3 Các sự kiện khác

Trong quá trình phát triển, IDI đã được vinh dự nhận nhiều giải thưởng như sau:

- Tháng 10/2009: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen về thành tích xuất sắc góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- Tháng 01/2010: Hội nghề cá Việt Nam trao giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009” và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tặng bằng khen là một trong 10 doanh nghiệp xuất sắc nhất nhận giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009”.
- Tháng 03/2010: Đảng ủy Khối Doanh nghiệp thuộc Đảng bộ tỉnh An Giang khen tặng Chi bộ Thủy sản IDI đạt tiêu chuẩn cơ sở “Trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu 3 năm liền.
- Tháng 04/2010: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế năm 2009.
- Tháng 11/2010: UBND huyện Lấp Vò khen tặng có thành tích đóng góp về cơ sở vật chất cho phong trào thể dục thể thao của huyện.

- Ngày 10/01/2012: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Chất lượng vàng thủy sản Việt Nam” lần thứ hai – Năm 2012.

- Ngày 22/02/2012: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh I.D.I là khách hàng vàng của SHB năm 2011.

- Ngày 30/01/2013: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen CB-CNV Công ty IDI đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD và đóng góp an sinh xã hội trên địa bàn huyện Lấp Vò năm 2012.

- Ngày 22/02/2013: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh I.D.I là khách hàng vàng của SHB năm 2012.

- Ngày 31/12/2013: Công ty điện lực Đồng Tháp khen tặng Công ty IDI đã sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả năm 2013.

## II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

### 2.1 Ngành nghề kinh doanh

Đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các ngành nghề sau:

○ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn.

○ Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.

○ Mua bán, chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.

○ Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.

○ Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng; đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Lĩnh vực kinh doanh chính:

○ Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.

○ Kinh doanh bất động sản.



Cổng chính vào nhà máy Thủy Sản Đa Quốc Gia trong Cụm Công Nghiệp Vàm Cống

## 2.2 Tóm tắt quá trình hình thành & phát triển công ty.

- Năm 2003, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia được thành lập với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, hầu hết Ban điều hành là cán bộ chủ chốt của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

- Năm 2005, IDI khởi động dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống qui mô 23ha tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2006, IDI chi trả đền bù và khởi công xây dựng hạ tầng Khu tái định cư và Cụm CN Vàm Cống giai đoạn 1.

- Năm 2007, IDI khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1, các hạng mục phụ trợ khác và khởi động dự án vùng nuôi cá tra nguyên liệu.

- Năm 2008, IDI hoàn thành xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị giai đoạn 1 và 2 đạt công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh 4.600 tấn đi vào hoạt động. Ghi tên I.D.I vào danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra của Việt Nam. Đồng thời, IDI cũng tiếp tục khởi công xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2009, I.D.I tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 3, tiến tới đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày và hoàn thiện nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2010, vận hành nhà máy thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày. Dự án đầu tư Khu TTTM huyện Lấp Vò tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng trên 50 tỷ đồng với qui mô đất đai 17,37 ha, qui mô quy hoạch 14,73 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 147 tỷ đồng.

- Năm 2011, khởi công dự án Nhà máy tinh luyện dầu cá với công suất thiết kế 100 tấn dầu cá thô/ngày và tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng, diện tích sử dụng 10.600m<sup>2</sup>. Hoàn thiện vùng nuôi cá tra theo tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P gần 6ha tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và 10ha ở xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2012 đầu tư Nhà máy tinh luyện dầu cá dự kiến cuối tháng 4/2014 sẽ hoàn thành đưa vào khai thác. TTTM huyện Lấp vò cũng đã san lấp xong mặt bằng để thi công cơ sở hạ tầng đến cuối năm 2013 về cơ bản đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng gồm hệ thống điện, đường, hệ thống thoát nước... Dự kiến dự án này sẽ hoàn thành vào tháng 07/2014 và chính thức khai thác bán nền vào tháng 08/2014.

- Ngoài ra, I.D.I có tên trong top 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu Việt Nam. Đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.



IDI NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM





Cụm Công Nghiệp Vàm Cống và Các Nhà máy Thủy Sản



### III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

#### 3.1 Các mục tiêu chính của công ty

- Cá tra là đặc sản của người tiêu dùng trên thế giới và là sản vật của đất nước ta. Đứng trước một đất nước Việt Nam đang đổi mới từng giờ và tầm nhìn đến năm 2020 thì ngành thủy sản có một tiềm năng phát triển rất lớn, cơ hội sinh lời rất cao và luôn đóng một vai trò quan trọng để phát triển bền vững cho ngành nông nghiệp của quốc gia. Nên hiện tại IDI đang tập trung hoàn thiện quy trình sản xuất khép kín cho chuỗi thủy sản như sau:

##### 3.1.1) Xây dựng trại cá tra giống:

- Chất lượng cá giống suy giảm là một thực trạng đáng lo ngại, làm giảm hiệu quả nuôi một cách nghiêm trọng. Nguyên nhân chính là do chất lượng đàn cá bố mẹ bị thoái hóa, lai cận huyết, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các cơ sở sản xuất cá bột, cho cá đẻ ép, đẻ non và đẻ nhiều lần trong năm, dẫn đến nhiều hệ lụy kèm theo trong việc nuôi cá như:

- Tỷ lệ hao hụt: lớn khoảng 30 – 35%, một số ao cá biệt tỷ lệ hao hụt lên đến 40 – 45%.

- Chi phí nuôi tăng cao: Trước đây do giống cá tra còn tốt nên thời gian nuôi bình quân khoảng 5-6 tháng là cá đã đạt tiêu chuẩn sản xuất (0.8 – 0.9 kg/con) với hệ số thức ăn chỉ khoảng 1.5kg. Còn hiện nay để đạt được Size cá trên người nuôi phải mất khoảng 8-9 tháng với hệ số thức ăn 1.55 – 1.6kg.

- Chất lượng cá nguyên liệu giảm: Chất lượng giống cá tra thấp không những ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ sống của cá nuôi, năng suất và thời vụ... mà còn ảnh hưởng đến cả chất lượng cá nguyên liệu, cá dễ bị còi cọc, dị hình, màu thịt cơ xấu, tỷ lệ thu hồi fillet giảm.

- Dịch bệnh nhiều hơn: Theo kết quả khảo sát gần đây của Trung tâm Quốc gia Giống thủy sản nước ngọt Nam Bộ, tỷ lệ cá tra nuôi ở ĐBSCL bị nhiễm bệnh là khá cao. Hầu như tất cả các vùng nuôi đều xuất hiện những loại bệnh phổ biến trên cá tra như xuất huyết, trắng mang, trắng gan, và nhất là căn bệnh nguy hiểm gan thận mù... Có những vùng nuôi, tỷ lệ cá tra nhiễm bệnh gần như tới 100%. Cá tra ở ĐBSCL bị bệnh từ nhiều nguyên nhân. Trước hết, là do cá bị nhiễm khuẩn gây các bệnh xuất huyết, đốm trắng..., hoặc bị các loài ký sinh trùng (trùng mặt trời, trùng bánh xe...), giáp xác ký sinh và nấm gây hại. Bên cạnh đó, chế độ dinh dưỡng cho cá không cân đối đã gây ra hội chứng thiếu vitamin, thiếu canxi; môi trường vùng nuôi bị ô nhiễm....

- Trước những thách thức trên và mục tiêu phát triển bền vững thì yêu cầu cấp bách đặt ra Công ty cần phải xây dựng một trung tâm giống hiện đại, ứng dụng công nghệ hiện đại từ việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho ra cá tra giống tốt để khắc phục những nhược điểm hiện tại như rút ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá... Từ đó sẽ giảm chi phí trong việc nuôi cá, kiểm soát giá thành trong việc nuôi, nâng cao chất lượng cá thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững cho con cá tra Việt Nam.

##### 3.1.2) Phát triển vùng nuôi cá của Công ty:

- Với mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra thì ngoài việc có trại cá giống hiện đại vẫn chưa đủ. Công ty cần phải nỗ lực để đầu tư cho vùng nuôi của mình một mặt để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, mặt khác đảm bảo chất lượng cá cũng như việc kiểm soát giá thành.

- Với tầm quan trọng như trên thì công ty dự kiến mở rộng vùng nuôi đến năm 2017 thì diện tích vùng nuôi của công ty đạt khoảng 150ha và đạt các tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P. Kết hợp với hình thức nuôi liên kết, nuôi gia công với người nông dân để đảm bảo cơ cấu nguyên liệu cung cấp cho nhà máy đông lạnh đạt khoảng 75-80% so với nhu cầu. Các chính sách đi kèm là phải hỗ trợ người nông dân gắn bó lâu dài, đồng hành cùng công ty trên tinh thần hợp tác cả hai cùng có lợi.



Cho cá ăn tại vùng nuôi thủy sản

**3.1.3) Nâng công suất hoạt động và xây dựng thêm nhà máy chế biến cá tra Fillet xuất khẩu:**

- Với lượng cá thu hoạch từ vùng nuôi của Công ty kết hợp với nuôi liên kết và nuôi gia công sẽ được đưa về nhà máy chế biến đông lạnh để fillet xuất khẩu. Với công suất thiết kế của nhà máy đông lạnh số 1 là 300 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động 12 giờ) thì hiện tại công suất của nhà máy hoạt động trong những tháng đầu năm 2014 là khoảng 250 tấn nguyên liệu/ngày và dự kiến sẽ đạt khoảng 300 tấn nguyên liệu/ngày vào cuối năm 2014. Như vậy việc xây dựng thêm nhà máy đông lạnh là điều tất yếu và sẽ sớm triển khai nhằm mở rộng quy mô hoạt động của Công ty lên một tầm cao mới.







Công nhân đang sản xuất trên các băng chuyền tự động của nhà máy Thủy sản IDI



### 3.1.4) Nâng công suất hoạt động của nhà máy bột cá:

- Hiện tại nhà máy bột cá, mỡ cá là một nhà máy của Công ty CP chế biến đầu tư du lịch & phát triển thủy sản Trisedco. Là một công ty liên kết của IDI với tỷ lệ góp vốn 45.33% và là một thành viên trong tập đoàn Sao Mai An Giang. Tận dụng từ nguồn phụ phẩm của nhà máy đông lạnh IDI để làm nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy. Với quy trình và Công nghệ hiện đại thì nhà máy chế biến bột cá và mỡ cá cho ra 2 sản phẩm chính đó là bột cá và mỡ cá. Hiện tại nhà máy đang hoạt động với công suất khoảng 150 tấn/ngày tuy nhiên công suất thiết kế là 240 tấn nguyên liệu/ngày. Việc nhà máy đông lạnh của IDI được mở rộng và nâng công suất thì nhà máy bột cá và mỡ cá mặc nhiên cũng sẽ được nâng công suất lên. Dự kiến cuối năm 2014 nhà máy chế biến bột cá và mỡ cá hoạt động ở mức 180 tấn nguyên liệu/ngày. Với Công suất này thì sẽ cho 40 tấn mỡ và 32 tấn bột cá, phần mỡ cá này sẽ đảm bảo được 40% nhu cầu mỡ cá nguyên liệu cho nhà máy tinh luyện dầu của IDI chúng ta.



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BỘT CÁ & DẦU CÁ

### 3.1.5) Hoàn thiện nhà máy dầu và đẩy mạnh sản xuất để đảm bảo nhà máy hoạt động 100% công suất.

Chúng ta đã biết dầu cá, một sản phẩm không hề xa lạ với mọi người vì từ lâu đã được biết đến như là thực phẩm tốt cho tim mạch, sáng mắt, bổ não. Dầu cá phổ biến vẫn là loại được trích ly từ cá đánh bắt ở vùng biển sâu như cá hồi, cá ngừ, cá trích, . . . và sản lượng rất hạn chế không đáp ứng đủ nhu cầu của người tiêu dùng. Việt Nam có một lượng dầu (mỡ) cá tra dồi dào mà không một quốc gia nào khác có được. Với sản lượng cá tra nuôi mỗi năm hơn 1 triệu tấn thì lượng dầu (mỡ) cá tra thô thu được ít nhất là 140.000 tấn mỗi năm. Dầu (mỡ) cá tra thô không chứa cholesterol, chứa nhiều các axit béo không no MUFA, PUFA (lớn hơn 70%) rất thiết yếu cho cơ thể, đặc biệt là EPA, DHA (lớn hơn 0,4%), thành phần đặc biệt quan trọng đối với não người và không thể tìm thấy trong dầu thực vật. Ngoài ra, dầu cá tra còn chứa nhiều vitamin A, D, E... và các khoáng chất khác. Bên cạnh đó, do cá tra Việt Nam rất an toàn vệ sinh để xuất khẩu đi các nước nên dầu (mỡ) cá tra cũng rất an toàn vệ sinh thực phẩm, không nhiễm vi sinh, kháng sinh cũng như dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Tuy nhiên, hiện nay dầu cá tra thô (mỡ cá) đang được sử dụng lãng phí, sai mục đích. Trong khi đó, nhu cầu về dầu mỡ của người tiêu dùng trên thế giới ngày càng tăng cao, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Người tiêu dùng đang ngày càng hướng về những sản phẩm an toàn và bổ dưỡng. Vì vậy, rất cần thiết phải sử dụng công nghệ tinh luyện hiện đại (tẩy sạch màu, loại hết tạp chất, đáng lưu ý là không còn mùi tanh, giữ được các thành phần bổ dưỡng) để chuyển dầu (mỡ) cá tra thô thành dầu thành phẩm hảo hạng, phục vụ người tiêu dùng. Từ những lý do trên, IDI đã đặt hàng và tập đoàn Desmet – vương quốc Bỉ đã nghiên cứu chế tạo và chuyển giao thành công công nghệ tinh luyện mỡ cá tra hiện đại, đảm bảo cho ra những sản phẩm tốt nhất, để chiên xào hoặc ăn sống trong bữa ăn hàng ngày của mọi gia đình hay làm nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm, dược phẩm. Nhà máy tinh luyện mỡ cá tra của công ty có công suất thiết kế là 200 tấn nguyên liệu/ngày. Giai đoạn 1 công suất 100 tấn/ngày đã đi vào hoạt động đầu tháng 7 năm 2013, tạo ra 97 tấn thành phẩm mỗi ngày, cung cấp ra thị trường các nhóm sản phẩm sau:



Hệ thống bồn chứa và trang thiết bị hiện đại của nhà máy distilling dầu

A. **DẦU NÈN (OLEIN)**: Là thành phần lỏng thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Sản phẩm này có một số đặc tính như sau:



**A1. Cảm quan.**

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Màu sắc	Vàng nhạt (3R/30Y)
2	Mùi	Đễ chịu, không mùi tanh hay ôi khét
3	Vị	Nhạt
4	Trạng thái	Lỏng, nhớt

**A2. Vi sinh vật.**

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	$\leq 10^3$
2	Coliform	$\leq 10$
3	E.Coli	$\leq 03$
4	S.aureus	Không có
5	Salmonella (/25 ml)	Không có
6	Tổng số bào tử nấm mốc, nấm men	Không có

**A3. Đặc tính hóa lý.**

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nhiệt độ nóng chảy ( $^{\circ}\text{C}$ )	
2	Điểm mờ ( $^{\circ}\text{C}$ )	$3.3^{\circ}\text{C}$
3	FFA (%)	$\leq 0.26$
4	IV (wijs)	$\geq 80$
5	PV (meq $\text{O}_2$ )	Không phát hiện
6	AnV (ppm)	$\leq 3.49$
7	Độ ẩm (ppm)	Không phát hiện

**A4. Thành phần hóa học.**

Stt	Tên axit hữu cơ	Tỉ lệ khối lượng (%)
1	C12:0(Lauric)	0.1
2	C14:0 (Myristic)	3.0
3	C14:1 (Myristoleic)	0.1
4	C15:0 (Pantadecylic)	0.2
5	C16:0 (Palmitic)	22.4
6	C16:1t (Palmitoleic)	0.5
7	C16:1c (Sapienic)	1.1
8	C17:0 (Margaric)	0.3
9	C17:1 (Margaroleic)	0.1
10	C18:0 (Stearic)	6.4
11	C18:1t (Petroselenic)	0.6
12	C18:1c (Oleic)	45.6

13	C18:2t (Linoleic)	0.5
14	C18:2c (Linoleic)	15.0
15	C18:3t (Linolenic)	Không phát hiện
16	C18:3c (Linolenic)	0.4
17	C20:0 (Arachidic)	Không phát hiện
18	C20:1 (Eicosenic)	1.0
19	C22:0 (Beheric)	0.2
20	C22:1 (Cetoleic)	0.6
21	C20:2 (Eicosadienoic)	0.8
22	C20:3 (Eicosatrenoic)	0.5
23	C20:5 (EPA)	0.1
24	C22:3 (Docosatrenoic)	0.1
25	C22:4 (Docosatetraenoic)	0.2
26	C22:5 (Docosapentaenoic)	0.1
27	C22:6 (DHA)	0.3
28	$\beta$ -Caroten (ppm)	0.88
SFA (%)		$\leq 32$
MUFA (%)		$\geq 50$
PUFA (%)		$\geq 18$

#### A5. Công dụng:

Dầu lỏng thu được sau khi tinh luyện có đặc điểm cảm quan, hóa lý, thành phần dinh dưỡng tốt hơn dầu cọ đang được đóng chai lưu thông phổ biến trên thị trường hiện nay. Dầu lỏng này có đặc tính tương đương như dầu nành và dầu hướng dương, hay dầu Oliu thuộc phân khúc dầu ăn cao cấp tại thị trường Việt Nam. Với nhiều mẫu mã kích cỡ khác nhau như: 250 ml, 500 ml, 1000 ml, 2000 ml, 5000ml, đóng nắp, dán nhãn, phân phối ra cho người tiêu dùng đi kèm các chương trình marketing qui mô lớn với mục đích làm gia tăng giá trị cảm nhận của khách hàng đối với sản phẩm. Ngoài ra, để đa dạng hóa sản phẩm, có thể được bổ sung thêm vitamin như A, D, E hoặc thêm Omega 3, 6, 9 . . . để trở thành thực phẩm chức năng dành riêng cho một số đối tượng như: trẻ em từ 1 đến 6 tuổi, phụ nữ, . . . Hiện nay công ty đang chuẩn bị nhập thiết bị chiết rót đóng chai và lên kế hoạch marketing cho sản phẩm. Dự kiến trong tháng 4 năm 2014, sản phẩm dầu chai của công ty sẽ có mặt trên thị trường.

#### **B. DẦU ĐẶC (STEARIN):**

Là thành phần đặc thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Sản phẩm này có một số đặc tính như sau:



**B1. Cảm quan.**

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Màu sắc	Trắng ngà (0.3R/1.7Y)
2	Mùi	Đễ chịu, không mùi tanh hay ôi khét
3	Vị	Nhạt
4	Trạng thái	Đặc, sệt

**B2. Vi sinh vật.**

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	$\leq 10^3$
2	Coliform	$\leq 10$
3	E.Coli	$\leq 03$
4	S.aureus	Không có
5	Salmonella (/25 ml)	Không có
6	Tổng số bào tử nấm mốc, nấm men	Không có

**B3. Đặc tính hóa lý.**

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nhiệt độ nóng chảy ( $^{\circ}\text{C}$ )	$44^{\circ}\text{C}$
2	Điểm mờ ( $^{\circ}\text{C}$ )	
3	FFA (%)	$\leq 0.16$
4	IV (wijs)	$\geq 57$
5	PV (meq $\text{O}_2$ )	Không phát hiện
6	AnV (ppm)	$\leq 2.62$
7	Độ ẩm (ppm)	Không phát hiện

**B4. Thành phần hóa học.**

Stt	Tên axit hữu cơ	Tỉ lệ khối lượng (%)
1	C12:0(Lauric)	0.1
2	C14:0 (Myristic)	4.0
3	C14:1 (Myristoleic)	0.1
4	C15:0 (Pentadecylic)	0.2
5	C16:0 (Palmitic)	35.3
6	C16:1t (Palmitoleic)	0.5
7	C16:1c (Sapienic)	1.0
8	C17:0 (Margaric)	0.4
9	C17:1 (Margaroleic)	0.1
10	C18:0 (Stearic)	10.5
11	C18:1t (Petroselenic)	0.8
12	C18:1c (Oleic)	33.8
13	C18:2t (Linoleic)	0.4
14	C18:2c (Linoleic)	10.1
15	C18:3t (Linolenic)	Không phát hiện
16	C18:3c (Linolenic)	0.3
17	C20:0 (Arachidic)	Không phát hiện



18	C20:1 (Eicosenic)	0.9
19	C22:0 (Beheric)	0.1
20	C22:1 (Cetoleic)	0.5
21	C20:2 (Eicosadienoic)	0.4
22	C20:3 (Eicosatrenoic)	0.2
23	C20:5 (EPA)	0.0
24	C22:3 (Docosatrenoic)	0.0
25	C22:4 (Docosatetraenoic)	0.1
26	C22:5 (Docosapentaenoic)	0.0
27	C22:6 (DHA)	0.1
28	b-Caroten (ppm)	0.85
SFA (%)		≤ 50
MUFA (%)		≥ 38
PUFA (%)		≥ 12

### B5. Công dụng:

Dầu đặc thu được sau tinh luyện có màu trắng đẹp, nhiệt độ tan chảy thấp khoảng 44<sup>0</sup>C, có thể được sử dụng để chiên các sản phẩm trong ngành công nghiệp thực phẩm như: mì ăn liền, bánh snack, khoai tây chiên, trái cây chiên đóng gói, . . . Ngoài ra, stearin là nguyên liệu chủ yếu và quan trọng nhất để chế biến shortening và margarine - sản phẩm sử dụng phổ biến trong công nghiệp thực phẩm, bánh kẹo.

Với công nghệ thiết bị hiện đại của Châu Âu, hoàn toàn tự động đã cho ra sản phẩm hoàn hảo và chính thức được bán trên thị trường trong nước tháng 4 năm 2014. Bộ phận kinh doanh của chúng ta cũng đã tìm các đối tác lớn từ trong cũng như ngoài nước để xúc tiến trong việc bán hàng và kết quả nhận được cũng rất ấn tượng. Từ những yếu tố như trên Công ty cố gắng đưa nhà máy lên hoạt động 100% công suất và sớm nâng công suất lên 200 tấn nguyên liệu/ngày.



NHÀ MÁY TINH LUYỆN DẦU CÁ

### **3.1.6) Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản:**

Hiện tại mỗi năm Công ty IDI chúng ta đã mua thức ăn cho cá từ các công ty chế biến thức ăn với doanh số hàng năm lên đến gần 900 tỷ đồng và con số này tiếp tục được nâng lên cùng với sự phát triển của công ty. Trước tình hình như vậy Ban điều hành cũng đã vạch ra kế hoạch đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản dự kiến được khởi công vào cuối năm 2014. Nhà máy này sẽ được đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại từ Châu Âu và sản phẩm dự kiến sẽ tốt hơn thức ăn thủy sản của các công ty hiện tại đang bán tại Việt Nam. Với vốn đầu tư dự kiến 200 tỷ và công suất thiết kế giai đoạn 1 là 400 tấn nguyên liệu/ngày dự kiến cuối năm 2015 sẽ hoàn thành và đi vào sản xuất. Tận dụng từ nguồn nguyên liệu là bột cá từ nhà máy Trisedco đảm bảo cho nhà máy có được nguồn nguyên liệu ổn định và cơ bản chuỗi thủy sản của Công ty IDI chúng ta sẽ được khép kín. Từ đó góp phần hạ giá thành sản phẩm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm đầu ra và sản phẩm của chúng ta có tính chất cạnh tranh hơn so với các đối thủ.

### **3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra, cá basa và đầu tư quỹ bất động sản theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới. Đồng thời từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, đời sống vật chất và tinh thần cho CB-CNV, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn GlobalGAP, ASC, BAP phù hợp với từng thị trường, tạo sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

- Tập trung đối tượng có thị trường tốt, đã có truyền thống, có thương hiệu, chủ động sản xuất giống và quy trình sản xuất. Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất giống, tập trung nguồn lực để tạo nguồn giống sạch bệnh, trước hết đối với con cá tra.

- Giữ vững thị phần trên các thị trường lớn (EU, Nam Mỹ, Hoa Kỳ, Trung Quốc, . . .), đồng thời không ngừng mở rộng thị trường để tăng thị phần trên các thị trường tiềm năng khác (Nga, Hàn Quốc, Trung Đông, các nước Đông Âu, Trung Mỹ, Canada, Asean và Úc..). Bên cạnh đó, củng cố và phát triển chế biến thủy sản nội địa, mở rộng thị trường trong nước trên cơ sở đa dạng hóa các sản phẩm để phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của người Việt Nam.

- Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất. Đặc biệt chú trọng giám sát các cơ sở chế biến thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y phục vụ nuôi thủy sản, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các công đoạn trong chuỗi giá trị của quá trình sản xuất thủy sản, đồng thời tạo sự công bằng giữa các thành phần kinh tế và giữa các lực lượng lao động tham gia sản xuất thủy sản.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2012	Kế hoạch Năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tăng giảm so với năm 2012		Tăng giảm so với kế hoạch	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	1,331	1,666	1,804.0	473.0	35.54%	138.0	8.28%
Tổng lợi nhuận sau thuế	37	83.3	41.1	4.1	11.08%	-42.2	-50.66%

➤ Doanh thu thuần năm 2013 tăng 138 tỷ đồng tương ứng với 8.28% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do trong năm 2013 công ty chúng ta phát triển thị trường mới rất tốt đặc biệt là thị trường Trung Quốc... Bên cạnh việc giữ vững thị trường truyền thống từ đó làm cho việc bán hàng của chúng ta thuận lợi hơn. Kết quả là không những chúng ta đã hoàn thành mục tiêu đề ra mà còn vượt chỉ tiêu. Tuy nhiên hầu hết doanh thu trong năm đều đến từ việc kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản còn lĩnh vực bất động sản không đáng kể. Bởi vì tình hình đông băng, cũng như các chính sách hỗ trợ việc kinh doanh bất động sản của Chính phủ khá chậm chạp... Dẫn đến việc hoàn thành dự án Trung tâm thương mại Lấp Vò có trễ tiến độ so với kế hoạch đề ra và vì thế mà chúng ta chưa thực hiện được doanh thu của dự án này. Nhưng trong năm 2014 thì Chính phủ đã sưởi ấm thị trường bất động sản và những tháng đầu năm đã có những biểu hiện khá rõ. Vì thế Hội đồng quản trị đã chỉ đạo cho Ban điều hành đẩy nhanh tiến độ dự án và trong năm 2014 chúng ta chắc chắn sẽ có một khoản danh thu tăng vọt trong mảng bất động sản này.

➤ So với năm 2012 thì doanh thu chúng ta tăng được 473 tỷ tương ứng với 35.54%. Điều này cho thấy tốc độ tăng trưởng của Công ty chúng ta khá tốt và tương đối nhanh, ổn định so với các công ty cùng ngành. Với tốc độ này trong vài năm tới chúng ta sẽ vươn lên nằm trong top đầu các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, cá basa Việt Nam. Với tốc độ tăng trưởng như thế trước những năm kinh tế khủng hoảng cũng cho chúng ta thấy được khả năng điều hành của Ban giám đốc công ty trong thời gian qua và từ đó làm cơ sở để Hội đồng quản trị cũng như Quý cổ đông tin tưởng vào sự điều hành để phát triển trong tương lai.

➤ Lợi nhuận sau thuế năm 2013 tăng 4.1 tỷ đồng so với năm 2012 tương ứng 11.08%. Kết quả này tuy chưa cao nhưng nó cũng cho thấy một nỗ lực rất lớn của Ban giám đốc trong năm 2013 được xem là năm đáy của cuộc khủng hoảng kinh tế vừa qua. So với kế hoạch thì chúng ta mới chỉ hoàn thành được 50% mà. Nguyên nhân của kết quả khá khiêm tốn trên là do trong năm 2013 vừa qua có hàng loạt danh nghiệp thủy sản lớn đã phá sản cho thấy một năm đầy khó khăn và các doanh nghiệp không đủ sức khỏe, tài chính không tốt kết hợp với áp lực xoay vòng vốn thì các doanh nghiệp này đã bán phá giá. Để giữ vững thị trường cũng như thị phần và kế hoạch về doanh số thì buộc Ban giám đốc phải hạ giá bán từ đó làm cho biên lợi nhuận tương đối thấp. Năm 2014 này việc tiếp cận vốn cũng không dễ dàng gì mặc dù van tín dụng đã bắt đầu mở lại và hầu hết các Ngân hàng vẫn không chịu rủi ro khi cục máu đông ( nợ xấu ) vẫn chưa tan. Trong khi kinh tế Thế giới được đánh giá sáng sủa hơn, từ đó các đơn hàng tăng dần lên và một số doanh nghiệp không đủ điều kiện sẽ bị loại khỏi cuộc chơi và kết quả là đẩy một lượng khách hàng truyền thống của họ sang những doanh nghiệp khỏe mạnh (tức tổng cầu có thể tăng nhẹ hoặc thậm chí không tăng nhưng tổng cung lại giảm) và biểu hiện là khách hàng của IDI chúng ta tăng lên trong những tháng đầu năm 2014 là tương đối nhiều. Không

những thế năm 2014 này việc thiếu hụt nguyên liệu sẽ là bài toán nan giải cho các doanh nghiệp chế biến bởi vì việc tiếp cận vốn của nông dân nuôi cá cũng như của một số doanh nghiệp yếu kém cũng không dễ dàng chút nào dẫn đến việc treo ao. Trong khi đó nhận định được tình hình nên Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc công ty tiến hành đầu tư mạnh vào việc nuôi liên kết, gia công với nông dân từ cuối năm 2013 và đến nay về cơ bản IDI chúng ta tự chủ động được khoảng 75% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy với giá cá bình quân khoảng 21,500 đồng/kg. Việc thiếu hụt cá nguyên liệu sẽ đẩy giá cá nguyên liệu lên và điều không thể khác là các doanh nghiệp sẽ điều chỉnh giá xuất khẩu tăng theo, IDI cũng không ngoại lệ trong khi giá thành của chúng ta tốt thì năm 2014 này chắc chắn biên lợi nhuận của chúng ta sẽ được cải thiện.

\* Về tình hình thực hiện đầu tư trong năm 2013 so với kế hoạch như sau:

- Dự án Khu Trung tâm Thương mại huyện Lập Vò: Đã san lấp và giải phóng xong mặt bằng, đang xây dựng hệ thống điện, đường, hệ thống thoát nước... Về cơ bản đạt khoảng 70% tiến độ. Dự kiến đến tháng 08/2014 sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác.

- Dự án Nhà máy Tinh luyện dầu cá: Đã hoàn thành và tiến hành chạy thử nghiệm cũng như đào tạo cán bộ vận hành để làm chủ công nghệ mới từ tháng 07/2013. Chúng ta cũng đã nghiệm thu nhà máy với đối tác Desmec và nhà thầu lắp đặt và về cơ bản nhà máy sẽ sản xuất và hoàn thành sản phẩm để có thể bán trong hệ thống siêu thị trong tháng 4 năm 2014.



Nhà máy tinh luyện dầu IDI với công nghệ thiết bị được nhập hoàn toàn từ Châu Âu



\* Kế hoạch cũng như định hướng đầu tư sắp tới như sau: Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thiện chuỗi sản xuất thủy sản cụ thể như sau:

- Trong năm 2014 sẽ khởi công nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và dự kiến sẽ hoàn thành và đi vào sản xuất trong năm 2015. Khi nhà máy hoàn thành thì Công ty chúng ta sẽ không phải mua mỗi năm gần 1,000 tỷ đồng tiền thức ăn cho cá và con số này được nâng lên hàng năm. Từ đó sẽ làm cơ sở để kiểm soát giá thành trong việc nuôi cá ở mức thấp nhất và nâng giá trị gia tăng cho quy trình khép kín của chúng ta.

- Song song với việc đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thì chúng ta cũng phải nhanh chóng tiến hành đầu tư nhà máy bao bì. Dự kiến với quỹ đất sẵn có, chúng ta sẽ đầu tư trong giai đoạn cuối năm 2014 và chậm nhất là đầu năm 2015. Khi nhà máy bao bì hoàn thành thì chúng ta cũng không phải đi mua mỗi năm hàng trăm tỷ đồng bao bì cho việc chế biến cá tra fillet xuất khẩu và việc chế biến đầu ăn. Và con số trên cũng sẽ lớn dần sau mỗi năm.

- Xây dựng trung tâm giống chất lượng cao và hiện đại, với đội ngũ chuyên gia nghiên cứu có thể ứng dụng công nghệ sinh học gây đột biến gen cho cá tra giống mà mục tiêu cụ thể là sản phẩm cá tra giống sẽ cho chất lượng thịt tốt hơn, tỷ lệ thịt cao hơn và thời gian nuôi ngắn hơn, sức đề kháng tốt hơn... để cung cấp giống cho vùng nuôi cá của công ty góp phần hạ giá thành trong việc nuôi cá và đây sẽ là chìa khóa mới cho Công ty để bước vào giai đoạn phát triển mới.

- Trong 5 năm sau chúng ta phải có vùng nuôi tập trung khoảng 150 hecta đáp ứng đủ các yêu cầu khắc khe về nuôi cá và đạt tiêu chuẩn của các nước như Châu Âu, Mỹ... Việc Công ty có thể phát triển tốt và bền vững hay không thì yếu tố này cũng không thể thiếu khi bước vào giai đoạn mới.

- Mua bán, chế biến và xuất khẩu gạo: Trong tương lai gần thì diện tích trồng lúa cũng như lương thực trên toàn thế giới sẽ bị giảm đáng kể, trong khi dân số ngày một phát triển rất nhanh. Chính vì thế ngành trồng lúa, sản xuất chế biến và xuất khẩu lúa gạo là một ngành đầy tiềm năng mặc dù hiện tại có muôn vàn khó khăn đối với ngành này. Tuy nhiên khó khăn sẽ được giải quyết trong giai đoạn 2014-2015 và ngành này sẽ thuận lợi với nhiều hỗ trợ của nhà nước. Vì vậy dự kiến cuối năm 2015 chúng ta sẽ khởi công dự án này, với nhà máy chế biến thức ăn được xây dựng thì nguồn nguyên liệu phụ là cám gạo được trộn theo tỷ lệ thích hợp trong thành phần thức ăn cho cá. Chính vì thế việc xây dựng nhà máy chế biến và xuất khẩu gạo một mặt góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp mặt khác cũng tạo một lợi thế nhất định so với các công ty trong ngành về sản xuất thức ăn cho cá.

- Dự án ép trấu thành thanh củi: Với nguồn phụ phẩm của nhà máy chế biến gạo xuất khẩu thì vỏ trấu là một nguồn năng lượng rất tốt và rẻ so với các nguồn năng lượng khác và đặc biệt hơn là nhà máy Trisedco lại cần nguồn nhiên liệu như vậy để đốt. Chính vì vậy mà chúng ta cũng cần phải đầu tư dự án này để tự cung và tự cấp cho chuỗi nhà máy của chúng ta.

- Dự án khu liên hợp công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI: Với vị trí địa lý là trung tâm của vùng ĐBSCL nhưng hiện tại chưa có cảng ngày hoạt động hiệu quả và khai thác được tiềm năng này của vùng. Hầu hết việc xuất hàng đi nước ngoài của vùng phải vận chuyển hàng lên Cảng Sài Gòn, Cảng Cát Lái tốn kém chi phí vận chuyển... Vì thế Công ty cũng đang xúc tiến các thủ tục cũng như thu xếp nguồn tìm đối tác để sớm triển khai dự án này song song với việc thúc đẩy phát triển kinh tế vùng này của Chính Phủ.



## II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

Vốn điều lệ công ty vẫn giữ nguyên là 380 tỷ đồng không có thay đổi nào như đã đăng ký với Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp và niêm yết cổ phiếu IDI tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/5/2011.

## III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

*\* Triển vọng kinh tế vĩ mô thế giới:*

Năm nay, gam màu nổi bật trong bức tranh kinh tế thế giới là gam màu tươi sáng, được tô bằng niềm tin vào đà phục hồi sẽ tiếp tục mạnh hơn ở các nền kinh tế lớn như Mỹ và Nhật Bản, bằng hy vọng về con đường bằng phẳng hơn cho kinh tế châu Âu và cả sự lạc quan về triển vọng tăng trưởng nhanh hơn ở các nền kinh tế mới nổi. Tuy nhiên, lẫn trong những sắc màu tươi sáng còn là những khoảng tối, những rủi ro đe dọa đà phục hồi kinh tế toàn cầu.

Kinh tế châu Âu đã bắt đầu nhìn thấy tia hy vọng trở lại sau hơn ba năm đen tối. Khu vực sử dụng đồng euro (Eurozone) bước vào một vùng đất an toàn hơn, giai đoạn suy thoái kéo dài kỷ lục đã qua. Khác với năm 2013, GDP không còn giảm sút mà sẽ tăng và dự báo lên 1,3%.

Tăng trưởng kinh tế Mỹ đang tăng tốc, với các dự báo cho năm 2014 đều cao hơn mức 2% của năm 2013. Vấn đề ngân sách không còn là trở ngại đối với nền kinh tế, ít nhất là trong hai năm tới. Nước Mỹ cũng đã đạt được tiến bộ lớn trong việc giảm nợ của các công ty và các hộ gia đình. Trong năm nay, kinh tế Mỹ sẽ được hưởng lợi từ cuộc cách mạng dầu khí đá phiến, sự cải thiện của thị trường việc làm và nhà đất cũng như sự bình phục của lĩnh vực chế tạo. Cuộc cách mạng kỹ thuật về năng lượng và công nghệ sản xuất đã âm thầm thay đổi mọi sự, giúp kinh tế Mỹ năm 2014 tăng trưởng mạnh hơn và mạnh nhất trong khối công nghiệp hóa.

Trong khi đó, các biện pháp kích thích kinh tế của Nhật Bản đã mang lại kết quả. Thủ tướng Shinzo Abe đã thực thi chính sách ba mũi tên được gọi là Abenomics, trong đó một mũi tên là nới lỏng tiền tệ nhằm mục tiêu đảo ngược tình trạng giảm phát. Lý do đằng sau sáng kiến này là lạm phát ca sẽ khuyến khích việc tăng lương và tăng chi tiêu tiêu dùng do các hộ gia đình nhận thức rằng giá cả sẽ không còn xu hướng giảm. Bên cạnh đó, chính sách phục hưng kinh tế của Thủ tướng Abe cũng đã giúp đồng yên xuống giá, kích thích xuất khẩu. Năm 2013, tăng trưởng kinh tế và lạm phát tại Nhật Bản đều tăng và năm 2014, xu hướng này sẽ tiếp tục.



Còn các nền kinh tế mới nổi sẽ tăng trưởng nhanh hơn trong năm 2014, đạt gần 5%, với một số lý do. Trước hết là sự phục hồi khởi sắc hơn của các nền kinh tế phát triển giúp làm tăng nhu cầu đối với hàng hóa từ các nước mới nổi. Bên cạnh đó, quá trình rút chương trình nói lỏng định lượng (QE) của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed, Ngân hàng trung ương) sẽ diễn ra chậm và lãi suất sẽ vẫn được duy trì ở mức thấp. Và với nhiều nền kinh tế vẫn đang trong công cuộc công nghiệp hóa và đô thị hóa, tầng lớp trung lưu đang ngày càng đông đảo sẽ chi nhiều hơn cho hàng hóa và dịch vụ. Với Trung Quốc sẽ vẫn duy trì được mức tăng trưởng trên 7% trong năm nay.

Tuy nhiên, hầu hết các nền kinh tế phát triển trong năm nay sẽ chỉ vừa vặn đạt mức tăng trưởng tiềm năng hoặc thấp hơn.

Với Mỹ, một số vấn đề có thể ảnh hưởng đến triển vọng tích cực của kinh tế nước này. Dù Fed có thể bắt đầu rút giảm dần quy mô QE mà không khiến thị trường hoảng loạn, nhưng vẫn chưa rõ khi nào chương trình kích thích kinh tế sẽ được chấm dứt hoàn toàn và lãi suất sẽ tăng lên. Và mặc dù có những dấu hiệu cho thấy bế tắc chính trị tại Quốc hội Mỹ đã phần nào giảm bớt, nhưng không có nhiều tiến triển trong chính sách tài khóa do các trở ngại từ chính trường.

Tại Eurozone, dù rủi ro đã giảm, nhiều vấn đề căn bản vẫn chưa được giải quyết. Tăng trưởng kinh tế năm 2014 sẽ vẫn thấp, nợ công cao và vẫn đang tăng lên, khả năng cạnh tranh kém, chi phí nhân công giảm chậm, điều kiện tín dụng bị thắt do các ngân hàng vẫn đang phải giảm nợ, tiến triển về việc thành lập một liên minh ngân hàng còn hạn chế và nỗ lực cho việc hướng đến một liên minh tài chính vẫn bị dậm chân tại chỗ.

Còn trong trường hợp Nhật Bản, nguy cơ tiềm tàng cho tăng trưởng kinh tế là kế hoạch tăng thuế tiêu dùng. Ông Abe đã hứa hẹn có thêm những biện pháp kích thích để cân bằng với ảnh hưởng tiêu cực từ việc tăng thuế. Tăng thuế doanh thu là cách Nhật Bản giải quyết một vấn đề nghiêm trọng là nợ công dự kiến lên tới 230% GDP trong năm 2014. Việc trả lãi cho khoản nợ này có thể là một vấn đề và lợi tức trái phiếu chính phủ của Nhật Bản tăng mạnh có thể khiến chi phí trả lãi trở nên quá cao. Đó sẽ là thảm họa đối với kinh tế Nhật Bản. Bên cạnh đó, một vấn đề nữa là tốc độ bán ra mũi tên thứ ba trong chính sách Abenomics, tức cải cách cơ cấu và tự do hóa thương mại, sẽ không nhanh.

Trong khi đó, các nền kinh tế mới nổi vốn quen với dòng USD chảy từ Mỹ kể từ khi Fed bắt đầu nói lỏng chính sách tiền tệ năm 2008 có thể bị tác động. Nguyên nhân là việc Fed sẽ giảm dần và thu hồi biện pháp bơm tiền và còn có thể nâng lãi suất khỏi mức mấp mé 0% hiện nay, và cuộc cách mạng về năng lượng và về sản xuất khiến giá thành sản xuất tại Mỹ giảm mạnh, đầu tư tại Mỹ lại hấp dẫn còn hơn là đầu tư vào các thị trường chỉ có ưu thế nhân công rẻ. Hậu quả của cả hai chuyện này là đồng USD lên giá, tiền nóng sẽ bị rút khỏi châu Á và một số nơi khác để trở về Mỹ, nơi sẽ cho lời cao hơn.

Trong khi đó Trung Quốc sẽ phải giải bài toán lưỡng nan. Một là phải chấp nhận đà tăng trưởng thấp hơn và tiến hành cải cách từ cơ cấu, trước tiên là giảm mức tín dụng. Điều này có ảnh hưởng bất lợi cho kinh tế các nước khác vì làm giảm nhu cầu của một nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Hai là vẫn tiếp tục duy trì dòng tín dụng, dẫn thân vào một vụ khủng hoảng tài chính khi núi nợ của ngân hàng và công ty đầu tư của chính quyền địa phương sụp đổ. Kịch bản này cũng sẽ gây tai hại cho các nước, nhất là các nền kinh tế bán nguyên nhiên vật liệu cho Trung Quốc. Trong khi đó, dù các cải cách kinh tế sâu rộng đã được công bố, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước này từ dựa vào đầu tư sang dựa vào tiêu dùng sẽ không sớm hoàn thành.

*\* Triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước:*

Năm 2014 được dự đoán sẽ mang lại nhiều cơ hội kinh doanh và hợp tác mới cho Việt Nam, mà điển hình là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP. Không chỉ có TPP, Việt Nam đang thúc đẩy quá trình đàm phán nhiều hiệp định thương mại và hợp tác khác, như Cộng đồng Kinh tế chung Đông Nam Á (AEC), Hiệp định thương mại tự do với châu Âu hay Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) nhằm tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế.

Việt Nam không có khủng hoảng tiền tệ khi tỷ giá USD tương đối ổn định và được dự báo tăng khoản 3% trong năm 2014. Nguy cơ khủng hoảng ngân hàng không xảy ra khi thanh khoản hệ thống được củng cố, nợ xấu từng bước được khắc phục. Khủng hoảng nợ công khó xảy ra khi nợ Chính phủ chưa đáng lo ngại. Chính vì thế mà chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong năm 2014 sẽ được nới lỏng để tiếp tục kích thích tăng trưởng kinh tế đi kèm với đó là việc lãi suất cho vay sẽ tiếp tục theo khuynh hướng giảm.

Các quốc gia như: Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc với vị trí địa lý thuận lợi, nguồn nhân công rẻ và thị trường tiêu thụ cũng hấp dẫn với 90 triệu dân của Việt Nam sẽ giúp cho FDI vào Việt Nam tiếp tục khả quan hơn trong năm 2014. Không những thế các quốc gia Nhật Bản, Hàn Quốc có xung đột lãnh thổ với Trung Quốc và giá nhân công của Trung Quốc đã tăng lên cũng tạo nên một luồng gió không nhỏ cho FDI vào Việt Nam.

*\* Triển vọng ngành cá tra fillet xuất khẩu:*

Trong năm 2014, giá cá xuất khẩu sẽ tăng cao và có thể kéo dài do mất cân đối cung cầu nguyên liệu. Nguyên liệu tiếp tục bị thiếu, các đối tượng trong chuỗi từ người nuôi trồng đến doanh nghiệp cung ứng thức ăn, chế biến xuất khẩu sẽ có khả năng co hẹp dần.

Nhu cầu thủy sản của các nước đang phát triển cũng có nhiều tiến triển tích cực, tiêu thụ nhiều hơn điều này đã khiến thúc đẩy sản xuất trong nước đặc biệt là thủy sản nuôi và nhập khẩu từ thị trường thế giới.

Mặt tích cực của năm 2014 là ngành này sẽ có thể giải quyết được vấn đề phát triển nóng của các năm trước, tình trạng mất cân đối giữa sản lượng nuôi trồng và nhu cầu tiêu thụ, lãi suất cao. Những “nút thắt” này cản trở sự phát triển của ngành cá tra có thể sẽ được tháo gỡ. Nhiều nhà đầu tư trong những năm qua không còn chịu đựng được sự khắc khổ của ngành này nên đã rút lui, chỉ còn lại những doanh nghiệp thật sự ổn định, có vốn, thị trường, kỹ thuật nuôi. Đây là những thành phần chủ lực sẽ góp phần đưa ngành cá tra phát triển trong tương lai.

*\* Trên những cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch năm 2014 như sau:*

+ Nhanh chóng khai thác lượng vốn đầu tư đã bỏ ra, như hoạt động triệt để công suất nhà máy. Đồng thời triển khai nhanh dự án Trung tâm Thương mại huyện Lập Vò để sớm khai thác nguồn thu từ lĩnh vực bất động sản.

+ Tiếp tục liên kết với các hộ nuôi cá tra, đảm bảo chủ động 70-80% nguồn nguyên liệu đạt chất lượng, ổn định cho nhu cầu nguyên liệu nhà máy.

+ Mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu đi kèm với xây dựng và phát triển trung tâm giống chất lượng cao.

+ Đưa nhà máy tinh luyện dầu vào vận hành và sẽ hoạt động được 50% công suất thiết kế trong năm 2014. Đồng thời xây dựng thương hiệu dầu ăn của công ty và sẽ giữ vững vị trí số 1 là nhà sản xuất dầu cá cho hiện tại và tương lai.

- + Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn cho cá tra để cung cấp cho vùng tự nuôi và vùng nuôi liên kết.
- + Xây dựng nhà máy bao bì để sản xuất và cung cấp bao bì cho nhà máy sản xuất cá tra và nhà máy tinh luyện dầu.
- + Mở rộng thị trường xuất khẩu Châu Phi, Nam Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, các nước SNG, Ucraina, Mỹ thông qua các hội chợ, chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá trên các phương tiện truyền thông nước ngoài.
- + Thiết lập chi nhánh ở một số thị trường mới để tăng cường khả năng bán hàng như Trung Quốc, Ucraina, Nam Mỹ, USA.
- + Tiếp tục giảm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, cũng như định mức sản xuất.
- + Cải tiến và nâng cao chất lượng hàng hóa, đảm bảo xây dựng một thương hiệu đẹp với khách hàng.
- + Triệt để khai thác mọi nguồn vốn để đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Tiếp tục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH & TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (đính kèm báo cáo tài chính)**

#### **1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch		Theo kết cấu		
			Tăng/giảm	%	Năm 2012	Năm 2013	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,816,412,718,345	1,349,993,713,576	466,419,004,769	34.55%	100.00%	100.00%	0.00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	11,999,007,025	18,856,334,600	-6,837,327,575	-36.30%	1.40%	0.66%	-0.73%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,804,413,711,320	1,331,157,378,976	473,256,332,344	35.55%	98.60%	99.34%	0.73%
4. Giá vốn hàng bán	1,620,882,463,534	1,118,284,883,922	502,597,579,612	44.94%	82.84%	89.24%	6.40%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	183,531,247,786	212,872,495,054	-29,341,247,268	-13.78%	15.77%	10.10%	-5.66%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	16,025,956,895	10,620,431,292	5,405,525,603	50.90%	0.79%	0.88%	0.10%
7. Chi phí tài chính	62,235,790,740	76,264,633,342	-14,028,842,602	-18.39%	5.65%	3.43%	-2.22%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	49,440,910,058	64,357,941,421	-14,917,031,363	-23.18%	4.77%	2.72%	-2.05%
8. Chi phí bán hàng	76,894,649,298	95,103,219,935	-18,208,570,637	-19.15%	7.04%	4.23%	-2.81%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20,138,697,719	22,198,606,884	-2,059,909,165	-9.28%	1.64%	1.11%	-0.54%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40,288,066,924	29,926,466,185	10,361,600,739	34.62%	2.22%	2.22%	0.00%
11. Thu nhập khác	1,297,786,294	4,495,075,701	-3,197,289,407	-71.13%	0.33%	0.07%	-0.26%
12. Chi phí khác	1,838,753,863	2,655,968,122	-817,214,259	-30.77%	0.20%	0.10%	-0.10%
13. Lợi nhuận khác	(540,967,569)	1,839,107,579	-2,380,075,148	-129.41%	0.14%	-0.03%	-0.17%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39,747,099,355	31,765,573,764	7,981,525,591	25.13%	2.35%	2.19%	-0.16%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(949,847,668)	(5,225,063,342)	4,275,215,674	-81.82%	-0.39%	-0.05%	0.33%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(401,592,550)	401,592,550	-803,185,100	-200.00%	0.03%	-0.02%	-0.05%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41,098,539,573	36,589,044,556	4,509,495,017	12.32%	2.71%	2.26%	-0.45%



- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Qua bảng số liệu đã xử lý trên ta thấy doanh thu năm 2013 tăng 466.419.004.769 đồng với tỷ lệ tăng là 34,55% so với năm 2012. Với tốc độ tăng khá nhanh của doanh thu cho thấy Công ty có những chính sách bán hàng cũng như mở rộng thị trường là hợp lý, điều này cho thấy một nỗ lực đáng khen ở bộ phận kinh doanh của Công ty, đã không ngừng tìm kiếm và nâng số khách hàng của công ty lên hàng ngày, với đơn đặt hàng cũng tăng hơn khá nhiều so với cùng kỳ năm trước. Có được kết quả trên cũng nhờ sự chỉ đạo sâu sắc của Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành đã cố gắng áp dụng nhiều chính sách linh hoạt trong việc bán hàng. Mặc dù trước áp lực cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp cùng ngành nhưng với tốc độ phát triển 34,55% sẽ là cơ sở để chúng ta tin tưởng cho một tốc độ tăng trưởng vượt bậc khi kinh tế có những điểm sáng mới trong năm sau.

- **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Trong năm 2013 tổng lượng hàng bán trả lại của công ty là 11,9 tỷ trong khi năm 2012 là 18,8 tỷ giảm 6,8 tỷ tương ứng 36,3% so với năm 2012. Cho thấy hệ thống quản lý chất lượng của IDI rất cao và đạt được tất cả các tiêu chuẩn khắc khe nhất như thị trường Mỹ. Cũng xin báo cáo thêm nguyên nhân phát sinh khoản mục này là do việc bán hàng (bất động sản) theo cam kết trong hợp đồng đến hạn khách hàng phải thanh toán cho công ty nhưng khách hàng chưa thanh toán và buộc công ty phải làm thủ tục thu hồi số nền đã bán chứ không liên quan đến hoạt động thủy sản. Chính vì thế mà Ban giám đốc hoàn toàn tin tưởng vào hệ thống giám sát chất lượng sản xuất của IDI chúng ta, luôn đảm bảo hàng đạt chất lượng mới được xuất đi và trong năm qua hoàn toàn không có hàng bị trả lại do không đúng chất lượng.

- **Giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp:** ta thấy tốc độ tăng của giá vốn nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu khá nhiều. Nguyên nhân là do trong năm 2013 lượng bán tăng nhiều hơn trong khi giá bán của chúng ta lại giảm. Do năm 2013 hầu hết các doanh nghiệp gặp khó khăn về đầu ra, bị áp lực xoay vòng vốn nên họ quyết định hạ giá bán dẫn đến một trào lưu giảm giá của cá tra Việt Nam. Trong những tháng đầu năm Ban tổng giám đốc chúng tôi muốn giữ giá bán tuy nhiên cũng không thể kéo dài và buộc cũng phải hạ giá. Cuộc chạy đua như thế thì phải đòi hỏi các công ty có sức khỏe tốt mới có thể tồn tại, vượt qua khó khăn và kết quả cuối cùng là một kết quả cũng không mấy ai mong đợi đó là hàng loạt doanh nghiệp phá sản. Chính vì thế những tháng cuối năm thì tổng cung đã giảm trong khi tổng cầu lại tăng nhưng giá bán vẫn chưa mấy khả quan làm cho biên lợi nhuận gộp trong năm tương đối thấp. Vì thế cơ cấu giá thành chiếm 89,24% trong danh thu trong khi năm 2012 chỉ có 82,84% là một điều không tốt, không phải việc quản lý kiểm soát sản xuất của chúng tôi yếu kém mà bản chất là nằm ở đầu ra không tốt. Từ ảnh hưởng như trên nên mặc dù trong năm 2013 doanh thu của chúng ta tăng khá ấn tượng nhưng tỷ lệ lợi nhuận gộp của chúng ta lại giảm còn 10,10% so với 15,77% trong năm 2012.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu hoạt động tài chính tăng 5,4 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 50,9% so với năm 2012... Kết quả này chủ yếu là do trong năm tỷ giá được điều chỉnh tăng 1% tuy không nhiều cũng đã đóng góp một phần cho hoạt động tài chính của chúng ta.

- **Chi phí tài chính:** Nguồn vốn của công ty được mở rộng nhưng phần lớn là nguồn vốn vay ngân hàng và những khoản tín dụng khác và phần còn lại là lợi nhuận giữ lại. Quan hệ tín dụng của chúng ta vẫn tăng so với năm 2012 tuy nhiên chi phí tài chính giảm 14 tỷ đồng tương ứng 18,39%. Nguyên nhân là lãi vay năm 2013 tiếp tục hạ so với 2012 và đặc biệt là lĩnh vực xuất khẩu có ưu thế hơn khi lãi suất vay USD tương đối thấp trong khi tỷ giá USD tăng không đáng kể. Và cụ thể là chi phí lãi vay giảm 23,18% nhanh hơn tốc độ giảm của chi phí tài chính. Xét vào góc độ cơ cấu thì chi phí tài chính của năm giảm từ 5,65% trên doanh thu đã giảm còn 3,43% đây được xem là một trong những việc điều hành linh hoạt và tiết kiệm được chi phí trong khi giá bán thấp và trước một tỷ lệ lãi gộp tương đối thấp, đóng góp không nhỏ vào cải thiện kết quả kinh doanh trong năm 2013.

- **Chi phí bán hàng:** chi phí bán hàng giảm 18,2 tỷ đồng với tỷ lệ giảm 19,15% so với năm 2012. Với tốc độ tăng của doanh thu 34,55% cho thấy công ty đang kiểm soát chi phí rất tốt góp phần nâng lợi nhuận của công ty lên. Trước những khó khăn về giá bán như đã nêu

trên thì ban giám đốc công ty ngoài việc chắc chắn từng cơ hội cũng phải tiết kiệm từng đồng chi phí. Đây cũng thể hiện được việc tiết kiệm chi phí để mang lại hiệu quả và loại bỏ hoàn toàn các chi phí trong việc bán hàng không cần thiết. Kết quả là tỷ trọng của chi phí bán hàng trong năm giảm từ 7,04% trên doanh thu giảm còn 4,23%. Trước một doanh thu tăng vọt nhưng chi phí bán hàng giảm cả về số lượng lẫn chất lượng. Đó là một nỗ lực của bộ phận kinh doanh đã thực hiện được triệt để những chỉ đạo sâu sắc của ban giám đốc góp phần không nhỏ trong việc cải thiện kết quả kinh doanh trong năm.

- **Chi phí quản doanh nghiệp:** Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 22 tỷ đồng năm 2012 và giảm còn 20 tỷ năm 2013 với tỷ lệ giảm 9,28%. Tương tự như chi phí bán hàng công ty vẫn tiết kiệm tốt chi phí quản lý doanh nghiệp cả về số lượng lẫn chất lượng. Trong khi hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như công tác quản lý vùng nuôi và quản lý nhà máy dầu của chúng ta đã mở rộng hơn năm 2012 rất nhiều. Có được kết quả đó cũng nhờ được sự đồng thuận của tất cả các phòng ban đã thực hiện tốt chỉ đạo tiết kiệm chi phí trong giai đoạn khó khăn như năm vừa qua.

- **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:** Với một tỷ lệ lãi gộp khá thấp so với năm 2012 nhưng tất cả các khoản mục chi phí của công ty đều được kiểm soát tốt, tất cả như một sự cộng hưởng giảm về số lượng, chất lượng nên lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của công ty tăng từ 36,5 tỷ năm 2012 lên 41,2 tỷ năm 2013. Và về cơ cấu vẫn giữ tỷ lệ này trên doanh thu ở mức 2,22% so với năm 2012. Kết quả này là một kết quả rất tuyệt vời là một sự phối hợp đồng bộ trước những khó khăn thách thức to lớn cho năm vừa qua.

- **Chi phí thuế TNDN:** Hiện tại công ty đang còn ưu đãi thuế suất cũng như ưu đãi theo địa bàn đầu tư. Tuy nhiên xét về vị trí địa lý thì IDI chúng ta rất thuận lợi về giao thông cả đường thủy lẫn đường bộ. Việc công ty chúng ta còn được ưu đãi thuế là một ưu thế rất lớn và đây cũng là một phần thuận lợi cho Quý cổ đông công ty mà các công ty khác không có.

Trước những khó khăn trong năm vừa qua đòi hỏi ban giám đốc phải làm việc vất vả và chỉ đạo, giám sát các phòng ban phối hợp thực hiện nhiều biện pháp để tiết kiệm chi phí. Kết quả đã cho lợi nhuận sau thuế là 41 tỷ đồng đã phần nào động viên cho ban giám đốc chúng tôi tiếp tục phát huy hơn nữa trong thời kỳ mới.

## 1.2 Tình hình tài chính.

### 1.2.1 Các chỉ số tài chính thể hiện khả năng thanh toán.

#### ❖ Chỉ số vốn hoạt động:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tài Sản Lưu Động	934,501,980,083	1,063,980,356,682
Nợ Ngắn Hạn	839,321,108,380	1,200,868,943,197
Vốn Hoạt Động	95,180,871,703	-136,888,586,515

#### ❖ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tài Sản Lưu Động	934,501,980,083	1,063,980,356,682
Nợ Ngắn Hạn	839,321,108,380	1,200,868,943,197
Tỷ số thanh toán nợ ngắn hạn	1.11	0.89

#### ❖ Hệ số thanh toán nhanh:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tài Sản Lưu Động	934,501,980,083	1,063,980,356,682
Hàng Tồn Kho	423,278,525,981	222,400,600,692
Nợ Ngắn Hạn	839,321,108,380	1,200,868,943,197
Tỷ số thanh toán nhanh	0.61	0.70



**1.2.2 Các chỉ số tài chính thể hiện mức hoạt động.**

## ❖ Số vòng quay hàng tồn kho:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Giá Vốn hàng bán	1,118,284,883,922	1,620,882,463,534
Hàng Tồn Kho	423,278,525,981	222,400,600,692
Số Vòng quay hàng TK	2.64	7.29

## ❖ Số vòng quay tài sản cố định:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	1,331,157,378,976	1,804,413,711,320
Giá trị còn lại của TSCĐ	419,899,674,640	643,901,938,622
Số vòng quay TSCĐ	3.17	2.80

## ❖ Số vòng quay tài sản lưu động:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	1,331,157,378,976	1,804,413,711,320
Tài sản lưu động	934,501,980,083	1,063,980,356,682
Số vòng quay TSCĐ	1.42	1.70

## ❖ Số vòng quay tổng tài sản:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	1,331,157,378,976	1,804,413,711,320
Tổng tài sản	1,468,353,445,149	1,845,614,030,822
Số vòng quay TTS	0.91	0.98

**1.2.3 Các chỉ số tài chính thể hiện hệ số nợ.**

## ❖ Hệ số nợ trên tổng tài sản:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tổng Số Nợ	930,055,096,504	1,268,106,594,832
Tổng tài sản	1,468,353,445,149	1,845,614,030,822
Tỷ số nợ trên tổng tài sản	0.63	0.69

## ❖ Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tổng Số Nợ	930,055,096,504	1,268,106,594,832
Nguồn vốn chủ sở hữu	538,298,348,645	577,507,435,990
Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu	1.73	2.20

## ❖ Hệ số đòn bẩy nợ:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tổng tài sản	1,468,353,445,149	1,845,614,030,822
Nguồn vốn chủ sở hữu	538,298,348,645	577,507,435,990
Thừa số đòn bẩy nợ	2.73	3.20

**1.2.4 Các chỉ số tài chính thể hiện khả năng sinh lãi.**

## ❖ Tỷ lệ lãi gộp:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Lãi gộp	212,872,495,054	183,531,247,786
Doanh thu thuần	1,331,157,378,976	1,804,413,711,320
Tỷ lệ lãi gộp (%)	0.16	0.10

❖ Tỷ lệ lãi hoạt động:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Lãi từ hoạt động kinh doanh	29,926,466,185	40,288,066,924
Doanh thu thuần	1,331,157,378,976	1,804,413,711,320
Tỷ lệ lãi hoạt động (%)	0.02	0.02

❖ Tỷ lệ lãi trên tổng tài sản:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Lãi ròng	36,589,044,556	41,098,539,573
Tổng tài sản	1,468,353,445,149	1,845,614,030,822
Tỷ lệ lãi trên tổng tài sản (%)	2.49%	2.23%

❖ Tỷ lệ lãi trên vốn chủ sở hữu:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Lãi ròng	36,589,044,556	41,098,539,573
Vốn chủ sở hữu	538,298,348,645	577,507,435,990
Tỷ lệ lãi trên vốn chủ sở hữu (%)	0.07	0.07

❖ Tỷ lệ lãi trên cổ phiếu:

Chỉ Tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Lãi ròng	36,589,044,556	41,098,539,573
Số lượng cổ phiếu lưu hành	38,000,000	38,000,000
Tỷ lệ lãi trên cổ phiếu (%)	963	1,082

## II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### 2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ

- Công ty cung cấp sản phẩm không xử lý phụ gia, sản phẩm đóng túi lẻ cho hệ thống nhà hàng và siêu thị, sản phẩm dưới dạng cá fillet, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v... Giảm định mức sản xuất, cắt giảm chi phí và tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm.

- Công ty đầu tư nhà máy chế biến thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động trong 24 giờ) trong 03 giai đoạn:

+ G/đ 1: Công suất TK 150 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 4/2008.

+ G/đ 2: Công suất TK 150 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 8/2008.

+ G/đ 3: Công suất TK 300 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 12/2010.

Công suất khai thác hiện tại 50% công suất thiết kế, mang về doanh thu thuần xuất khẩu và nội địa trên 79 triệu USD trong năm 2013.





CÁC SẢN PHẨM CỦA NHÀ MÁY THỦY SẢN

- Cơ cấu doanh thu trong năm:

### CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	1,716,006,338,782	95.10%
2	Doanh thu thuần dịch vụ	49,780,336,712	2.76%
3	Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	4,852,755,676	0.27%
4	Doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng	-	0.00%
5	Doanh thu từ dầu cá	33,377,396,362	1.85%
6	Doanh thu khác	396,883,788	0.02%
	<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>1,804,413,711,320</b>	<b>100%</b>

+ Trong cơ cấu doanh thu thuần, lĩnh vực thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm 95,10% trong năm 2013.

+ Doanh thu thuần lĩnh vực thủy sản năm 2013 tăng 447 tỷ đồng tương đương tăng 35,22% so với năm 2012. Điều đó cho thấy được tiềm năng phát triển rất lớn của công cá tra tại Đồng bằng Sông cửu long. Và nó được thể hiện rõ hơn khi cá tra Việt Nam xâm nhập vào thị trường Mỹ, ngành nuôi cá da trơn của Mỹ xem như một thảm họa buộc phải dựng nên các rào cản kỹ thuật để bảo hộ cho ngành cá da trơn trong nước mình.

+ Còn cơ cấu doanh thu thuần về dịch vụ, bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm tỷ trọng thấp và tăng trưởng không đáng kể. Theo cơ cấu ngành của Công ty và của cả Tập đoàn ASM thì IDI chỉ tập trung cho việc nuôi trồng chế biến cá tra xuất khẩu chứ không còn tập trung vào mảng này như trước nay nữa.

- Cơ cấu chi phí trong năm:

### CƠ CẤU CHI PHÍ GIÁ VỐN Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1,529,042,217,119	94.33%
2	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	50,251,000,024	3.10%
3	Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	3,171,018,698	0.20%
4	Giá vốn của đầu tư xây dựng hạ tầng		0.00%
5	Giá vốn từ dầu cá	38,021,344,226	2.35%
6	Giá vốn khác	396,883,567	0.02%
	<b>Tổng giá vốn hàng bán:</b>	<b>1,620,882,463,634</b>	<b>100%</b>



+ Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng 94,33% trong năm 2013 tăng 45,20% tương đương tăng 476 tỷ đồng so với năm 2012. Ta thấy tốc độ tăng của giá vốn hàng hóa thành phẩm cao hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần của hàng hóa thành phẩm nguyên nhân không phải là việc kiểm soát giá thành không tốt mà do giá bán trong năm không tốt và vấn đề này được trình bày ở mục giá vốn hàng bán.

+ Lĩnh vực dịch vụ, bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng thì tỷ trọng chi phí vốn tương đối thấp, chỉ chiếm lần lượt là 3,1%, 0,2% và 0,% trong năm 2013.

+ Lĩnh vực dầu cá: Đây là sản phẩm của đợt chạy thử vận hành nhà máy dầu. Tuy nhiên chúng ta vẫn có giá bán tương đối tốt và hiện nay nhu cầu về sản phẩm này của khách hàng rất lớn nhưng IDI chúng chỉ tập trung sản xuất sản phẩm dầu ăn đồng chay với giá trị gia tăng rất cao và hứa hẹn sẽ cho nhiều lợi nhuận trong năm 2014.

## 2.2 Nguyên vật liệu:

- Cá tra là nguồn nguyên liệu dễ nuôi, có thể nuôi bè, nuôi ao, nuôi trong quảng đăng, nuôi hồ và nuôi ở các cồn trên sông. Với những ưu thế về đặc tính sinh học như khỏe, dễ nuôi, ít bệnh, dễ sinh sản nhân tạo, thêm vào đó điều kiện thời tiết vùng sông Cửu Long khá phù hợp, đảm bảo việc nuôi cá có thể thực hiện quanh năm.

- Cá tra đã có mặt trên khắp thế giới là sự lựa chọn số một của giới bình dân tới trung lưu. Nhu cầu cá tra trên thế giới là vô hạn có bao nhiêu cũng bán hết. Vì các nước khác ở thượng lưu sông Mêkong cũng có nuôi cá tra, nhưng số lượng rất ít không hiệu quả, không có ý nghĩa thị trường.

- GAFIN dự báo kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam năm 2015 có thể vượt 2,5 tỉ USD và đến năm 2020 sẽ đạt 3,6 tỉ USD. Người tiêu dùng lựa chọn cá tra làm thức ăn hằng ngày, thay thế các nguồn đạm động vật khác vì các vấn đề liên quan đến bệnh tim mạch và các vụ ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh ở thịt heo, gà, bò... Trong khi nguồn cung hải sản không thể tăng, vì khai thác biển gần như bão hòa.

- Giá cá tra phù hợp với mọi thành phần dân cư. Trong khi tại các nước phát triển phí môi trường, giá nhân công cao và các chính sách hạn ngạch đánh bắt đang tạo ra lợi thế lớn cho cá tra Việt Nam.

- FAO đánh giá sản lượng cá nước ngọt Việt Nam hiện đứng thứ ba thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ. Vị thế độc quyền con cá tra càng cho phép chúng ta tin tưởng về một tương lai xán lạn và một mục tiêu phát triển bền vững.





Công nhân đang chuyển cá từ ghe lên nhà máy tại bến nhập nguyên liệu

- Theo quyết định số 332/QĐ-TTG ngày 03/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020. Thì Viện nghiên cứu Thủy sản 2 xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về giống cá tra, cá basa để chuyển đến các Chi cục Thủy sản các tỉnh và cho nhân giống đàn cá bố mẹ có thể sinh sản được ngay sau khi chuyển giao cho các trại giống.

- Đến năm 2015, cung cấp 100% giống thủy sản cho nhu cầu nuôi, 70% giống các đối tượng nuôi chủ lực là giống sạch bệnh, chất lượng. 100% cơ sở nuôi, vùng nuôi các đối tượng chủ lực đạt tiêu chuẩn tiên tiến về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng và áp dụng rộng rãi công nghệ nuôi thủy sản phù hợp với điều kiện môi trường và kinh tế xã hội ở các vùng.

- Năm 2013, diện tích nuôi cá tra đạt 5,2 nghìn ha với sản lượng 1,15 triệu tấn, giảm 17,5% về diện tích và 7,6% sản lượng so với năm 2012. Trong khi nhu cầu vẫn ngày một tăng dẫn đến kết quả là cuối năm 2013 và đầu năm 2014 có hiện tượng sốt giá cá. Giá cá đã tăng từ 21.500 đồng/kg đã tăng lên 26.000 đồng/kg giai đoạn đầu tháng 4 năm 2014. Nguyên nhân trên là do các ngành chức năng về thông kê cũng như về quy hoạch nuôi cá còn quá yếu kém không đồng bộ dẫn đến tình trạng giá tăng giảm liên tục và không ổn định dẫn đến thiệt hại cho cả người nuôi và Công ty xuất khẩu. Hiện tại một số tỉnh đạt diện tích và sản lượng cá tra lớn như: Bến Tre (DT 700 ha, SL 153.887 tấn), Vĩnh Long (DT 425 ha, SL 101.332 tấn), Đồng Tháp (DT 1.875 ha, SL 341.705 tấn).

- Tuy nhiên Công ty IDI luôn chủ động lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và bộ phận nuôi trồng của công ty luôn đảm bảo cung cấp được 70-80% nhu cầu cho nhà máy sản xuất với giá thành ổn định và tương đối thấp (bình quân khoản 21.500 đồng/kg)

### 2.3 Trình độ công nghệ.

- Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm ở trung tâm vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra nằm trong một cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.



- Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.

- Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm đem đến giá thành sản xuất hợp lý và thấp nhất.

- Đầu năm 2011 nhà máy chế biến số 1 đã hoàn thành 100% với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày.

+ Nhà xưởng sản xuất 15.000 m<sup>2</sup>, hệ thống thiết bị cấp đông, công cụ dụng cụ chế biến đáp ứng được công suất 600 tấn NL/ngày. Kho lạnh có sức chứa 4.600 tấn cá thành phẩm.

+ Hệ thống xử lý nước, cấp nước đạt tiêu chuẩn Châu Âu, công suất xử lý 240 m<sup>3</sup> nước/giờ. Hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn nước loại A được phép thải ra môi trường theo qui định của Việt Nam, công suất xử lý 240m<sup>3</sup> nước/giờ.

+ Hệ thống cấp điện, trạm điện công suất 3.750 KVA và hai máy phát điện dự phòng 3.250 KVA. Trạm cân cá với 2 bàn cân điện tử tự ghi tải trọng mỗi bàn cân 10 tấn.

+ Nhà ăn cho cán bộ và công nhân sức chứa 3.000 người. Xưởng cơ khí sửa chữa. Trung tâm kiểm nghiệm. Hệ thống sân đường nội bộ, cây xanh. Đội xe vận tải hàng hóa (nguyên liệu và hàng lạnh).

+ Trụ sở làm việc đưa vào sử dụng, hoàn thành trạm phát điện thứ 2 có công suất 3.750 KVA, nhà để xe công nhân, bể chứa nước sạch 500m<sup>3</sup>, bể ly tâm nước thải, bờ kè cập sông Lấp Vò. . . .

+ Cuối năm 2013 thì công ty cũng đã hoàn thành dự án nhà máy tinh luyện dầu cá với dây chuyền, máy móc hiện đại được nhập từ Châu Âu và hoàn toàn tự động. Nhà máy hoạt động dựa vào hệ thống điều khiển trung tâm gồm 4 máy vi tính được lập trình và điều chỉnh các thông số cho nhà máy dầu theo yêu cầu. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ quản lý vận hành nhà máy được Ban lãnh đạo công ty sàng lọc, đào tạo rất chuyên nghiệp. Từ trình độ chuyên môn đến phong cách làm việc cũng như tinh thần trách nhiệm rất cao và hiện tại hoàn toàn làm chủ công nghệ tinh luyện dầu cá có thể nói là hiện đại nhất thế giới.



Phòng máy

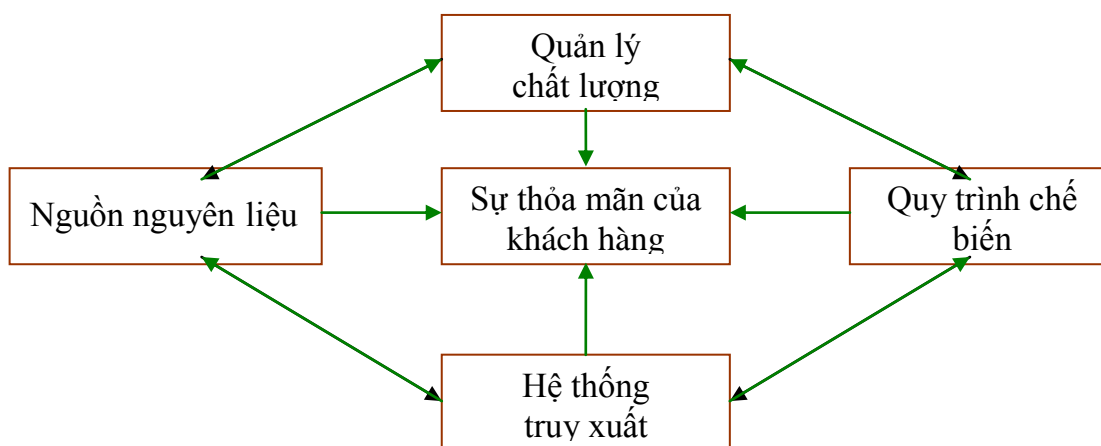




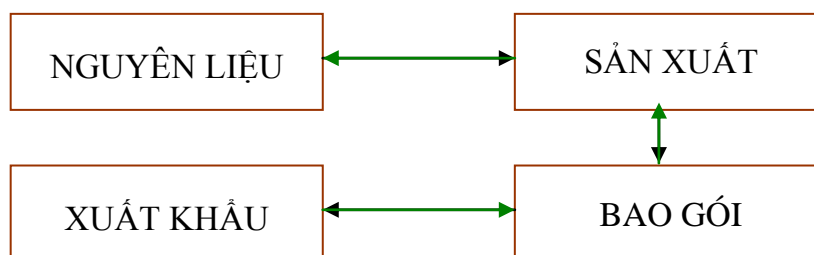
KHO LẠNH



### QUY TRÌNH SẢN XUẤT CÁ TRA XUẤT KHẨU



### QUY TRÌNH HỆ THỐNG TRUY XUẤT



#### 2.4 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

- Công ty sản xuất cá tra fillet xuất khẩu và phụ phẩm sản xuất thành các sản phẩm có giá trị khác như bao tử cá, bong bóng, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu cá . . . Làm tăng giá trị sản phẩm khi cung cấp ra thị trường.

- Nhà máy tinh luyện dầu cá sẽ đưa sản phẩm mới ra thị trường, nhằm nâng giá trị mỡ thô từ cá tra. Mỡ cá qua tinh luyện sẽ ngăn chặn và điều trị bệnh tim mạch, chứng căng thẳng, bệnh viêm khớp, các bệnh về viêm kinh niên khác và sự rối loạn hệ miễn dịch, đồng thời DHA là thành phần quan trọng đến sự phát triển của não. Tầm quan trọng của Omega-3, 6, 9 PUFA dẫn đến giá trị thương mại của dầu cá được tinh luyện đó là giá trị thực phẩm cho sức khỏe con người. Chất lượng và tính ổn định làm cho dầu cá ngày càng quan trọng hơn.

- Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản ra đời sẽ sử dụng triệt để bột cá do Trisedco sản xuất, nhằm cung cấp lượng thức ăn cho nuôi trồng thủy sản, tạo một dây chuyền khép kín trong chuỗi sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu mua bán và chế biến gạo là mặt hàng có mức tiêu thụ ổn định, là lương thực thiết yếu đối với nhu cầu đời sống hàng ngày, khi giá biến động thì nhu cầu về lương thực của người dân vẫn không thay đổi. Lợi thế hơn nữa là nhà máy nằm ở vùng trung tâm của diện tích lúa gạo lớn nhất cả nước.

Bao tử cá đồng lạnh - Qui cách đóng gói: 3 kg/túi nhựa.  
Frozen Fish Stomach - Packing: 3 kg/plastic bag.  
冷水鱼肚 - 包装规格: 3公斤/塑料袋

Bong bóng cá khô  
Fish Maw (Dried)  
鱼泡干

Vây cá tươi  
Fresh fish Fins  
新鲜鱼鳍

Ủc cá tươi  
Fresh Fish Belly  
新鲜的鱼腩

Bong bóng cá tươi  
Fresh Fish Swimming Bladder  
新鲜的鱼泡

Ký cá tươi  
Fresh Dorsal Fin  
新鲜鱼背鳍

Bao tử cá tươi  
Fresh Fish Stomach  
新鲜的鱼肚

**Phụ phẩm từ Cá Tra**  
Pangasius Filletting offal Products  
巴沙鱼副产品



Xuất xứ: Việt Nam  
 Loại cá: cá Tra  
 Qui cách đóng gói: 50kg (trọng lượng tịnh)  
 /bao nhựa  
 Số lượng cung ứng: 1,000-1200 tấn/tháng

Original: Vietnam  
 Species: Pangasius Fish  
 Packing: 50kg Net/polypropylene bag  
 Quantity for sales: 1000-1200 MT/month

产地: 越南  
 鱼类: 巴沙鱼  
 包装规格: 50kg (净重) / 塑料袋  
 供应量: 1,000-1,200吨/月

Tiêu chuẩn chất lượng	Tiêu chuẩn Việt Nam
Độ ẩm (%)	58 - 62
Độ ẩm (%)	10 max
Tro (%)	30 max
Bộ lọc (mg/100g)	100 max
Chất béo (%)	10 max

Specification	TCVN Standard
Crude protein (%)	58 - 62
Moisture (%)	10 max
Ash content (%)	30 max
TVBN (mg/100g)	100 max
Lipid (%)	10 max

质量指标	越南标准
蛋白质含量 (%)	58 - 62
湿度 (%)	10 max
灰份 (%)	30 max
新鲜度 (mg/100g)	100 max
脂肪含量 (%)	10 max

## Bột cá Fish meal 鱼粉



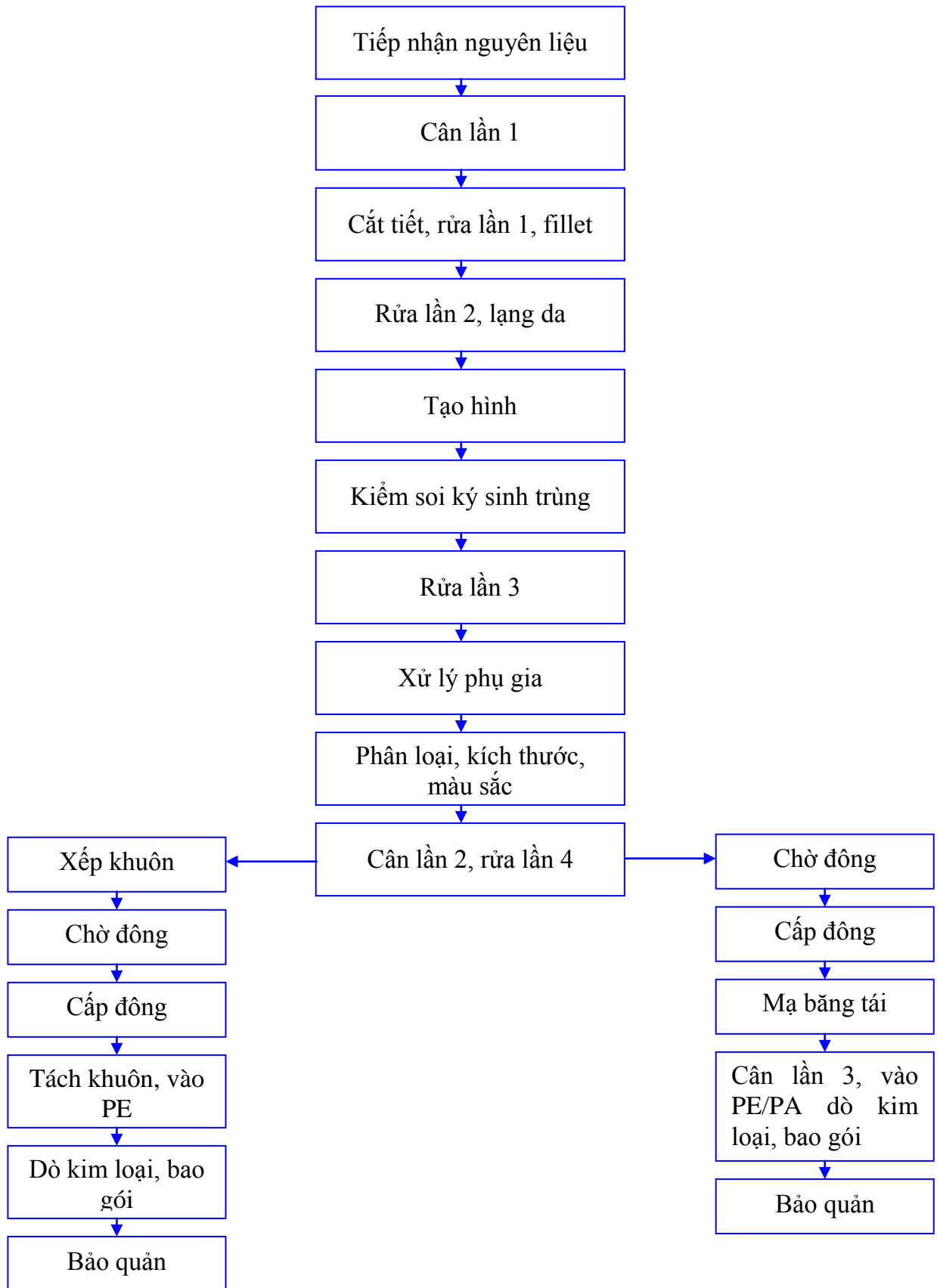
## Mỡ Cá Fish Oil 巴沙鱼油



Xuất xứ: Việt Nam  
 Loại cá: cá Tra  
 Qui cách đóng gói: 193kg/thùng phi hoặc 20 tấn/flexitank  
 Số lượng cung ứng: 1000-1200 tấn/tháng  
**Tiêu chuẩn chất lượng** Tiêu chuẩn Việt Nam  
 Chỉ số Acid (mgKOH/g) 3% max  
 Chỉ số Iodine (gI2/100g) 80 max  
 Original: Vietnam  
 Species: Pangasius Fish  
 Packing: 193 kg Net weight/Drum or 20 MT net weight/flexitank  
 Quantity for sales: 1000-1200MT/month

**Specification**  
 Acid value (mgKOH/g) 3% max  
 Iodine value (gI2/100g) 80 max  
**TCVN Standard**  
 3% max  
 80 max  
 产地: 越南  
 鱼类: 巴沙鱼  
 包装规格: 193kg/桶 或20吨/ flexitank  
 数量供应: 1000-1200吨/月  
**质量标准**  
 越南标准  
 酸价 (mgKOH/g) 3% max  
 碘价 (gI2/100g) 80 max

### QUY TRÌNH CHẾ BIẾN





## 2.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Đặc biệt là đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, 2008, BRC 2008, IFS, HALAL, GLOBAL G.A.P, FDA, ISO 17025:2005 (VILAS 443). . . Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắc khe nhất của thị trường thế giới.

## 2.6 Hoạt động Marketing

- Công ty tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế, tham gia các kỳ xúc tiến thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức. Tổ chức quảng cáo trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản. Tích cực hoạt động chăm sóc khách hàng.

- Công ty hằng năm tham gia các kỳ Hội chợ lớn chuyên ngành thủy sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ban Nha, GUFTFOOD ở Dubai - UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSEL ở Bỉ.... để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới.

- Công ty quảng cáo hình ảnh trên báo Seafood International, Intrafish. Đăng thông tin trên trang web SEAEX, quảng cáo trên trang web của VASEP.

- Công ty mời khách hàng đến thăm nhà máy để tạo niềm tin và thuyết phục khách mua hàng. Định kỳ gửi phiếu thăm dò khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp, từ đó có biện pháp điều chỉnh phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- Công ty tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng.

- Thị trường mới, công ty sử dụng những kênh phân phối có sẵn, duy trì và phát triển mối quan hệ mua bán với khách hàng truyền thống, tìm kiếm mở rộng các khách hàng mới.





Tham gia Hội chợ triển lãm Thủy sản Quốc tế





IDI THAM GIA HỘI CHỢ THỦY SẢN DUBAI 2012



## 2.7 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)

- Công ty làm tốt công tác xã hội từ thiện ở địa phương và nhiều tỉnh thành khác trong cả nước.
- Công ty quảng bá thương hiệu trên báo, đài trung ương và địa phương như VTV1, HTV7, HTV9, TH Cần Thơ, TH Vĩnh Long, TH An Giang, . . . TC Thủy sản, TC Chứng khoán, báo Đầu tư tài chính, báo An Giang . . . Tạo ấn tượng đẹp về IDI đến với mọi người.
- Công ty tuân thủ các qui định của pháp luật. Tạo mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng và các đối tác. . . Giúp xây dựng nên hình ảnh, thương hiệu IDI.
- Trong năm 2013 Công ty IDI đã chia sẻ với đồng bào bà con nghèo trong tỉnh Đồng Tháp để đón xuân. Công ty đã tặng 160 phần quà cho bà con nghèo và 40 phần quà cho bệnh nhân nghèo trong huyện Lập Vò.



Đoàn xe cứu trợ lũ lụt miền trung 2010

## 2.8 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:



- Pháp lý: Logo IDI được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quyết định số 5472/QĐ-SHTT ngày 24/3/2009.
- Danh mục sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu:
  - o Nhóm 29: Thủy hải sản đã qua chế biến cá cá tra, cá basa, tôm, mực, nghêu, sò.
  - o Nhóm 35: Hoạt động giới thiệu và quảng bá thương hiệu, mua bán thủy hải sản.
  - o Nhóm 40: Chế biến thủy hải sản.
  - o Nhóm 44: Nuôi trồng thủy sản cá nước ngọt gồm cá tra, cá basa, lươn, các loại cá biển như cá bob, cá ngừ, nuôi trồng thủy hải sản.

## III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### 3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

#### A) Tình hình cá tra nguyên liệu năm 2013:

Tình hình cá tra nguyên liệu năm 2013 có nhiều biến động ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả vùng nuôi. Việc xác định giá cá nguyên liệu trên thị trường là vấn đề rất khó cần phải xử lý thông tin kịp thời, chính xác để có dự báo giá cá nguyên liệu trên thị trường từng tháng, ba tháng và sáu tháng. Đồng thời quản lý được tỉ lệ nguyên liệu giữa cá tự nuôi, cá nuôi liên kết và cá mua ngoài.

Trong năm nhà máy sản xuất được 49.810 tấn cá nguyên liệu với cơ cấu cá được cung cấp cho nhà máy như sau: Cá tự nuôi và nuôi liên kết chiếm tỷ lệ 68,68% tương ứng với 34.213 tấn và phần còn lại là mua ngoài với tỷ lệ 31,32% tương ứng với 15.597 tấn. Với cơ cấu đầu vào như thế với giá bình quân trong năm là 22.602 đồng/kg trong khi năm 2012 là 22.937 đồng/kg. Cơ cấu như vậy sẽ đảm bảo cho công ty có giá thành ổn định và tương đối thấp góp phần nâng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

#### A1. Tổng sản lượng nguyên liệu đưa vào nhà máy IDI sản xuất năm 2013:

Tháng	Năm 2013		
	Sản lượng cá tra NL (Kg)	Đơn giá bình quân trong tháng (đồng/kg)	Thành Tiền
01	4,227,303	22,216	93,912,318,188
02	1,545,616	22,583	34,904,435,352
03	4,177,679	23,598	98,586,724,843
04	3,899,916	22,000	85,799,693,326
05	3,965,807	22,204	88,055,084,487
06	4,796,941	21,950	105,291,311,875
07	4,743,571	23,330	110,668,966,430
08	5,012,407	22,640	113,479,560,946
09	3,282,181	22,664	74,386,401,050
10	4,482,754	22,797	102,195,032,008
11	4,815,570	22,837	109,972,835,348
12	4,860,549	22,401	108,883,393,011
Cộng	49,810,294	22.602	1,126,135,756,864

#### A2. Tình hình thu mua nguyên liệu:

Giá cá tra nguyên liệu liên tục ổn định trong những tháng đầu năm với giá rất thấp có những lúc chỉ còn 19.500 đồng/kg và những tháng cuối năm giá lại tăng lên khoản 23.000 đồng/kg. Việc giá cá biến động này tạo nhiều rủi ro cho người nuôi cá trong khi các điều kiện của người nông dân không dễ để thực hiện nuôi. Các chính sách cho vay nuôi cá bị thắt chặt, người dân thiếu vốn trong khi giá bán bấp bênh từ đó dẫn đến tình trạng treo ao. Và khiến cho các doanh nghiệp cũng gặp không ít khó khăn nếu không dự đoán được tình hình nguyên liệu cho thời gian 6, 9 tháng. Tuy nhiên mặc dù mua cá của nông dân nhưng công ty IDI cũng đã tạo được lòng tin cho những hộ dân từ khâu tư vấn về giá, đến các cam kết mua và việc thanh toán cũng đúng hạn. Chính vì thế với lượng cá phải mua khoản 30% cho nhu cầu của nhà máy hoàn toàn IDI có thể chủ động và có thể chốt giá với người nuôi tốt nhất tuy nhiên chất lượng cá không thể đáp ứng cho các thị trường khắc khe như Mỹ hay Châu Âu.

#### A3. Tình hình đầu tư liên kết:

Năm 2013, sản lượng cá đầu tư liên kết là 31.253 tấn cá với giá thành bình quân từ 21.500 đồng/ kg đến 22.000 đồng/kg. Hình thức này sẽ giúp các hộ nông dân đang gặp khó khăn về tài chính và không thể dự báo giá cá được trong tương lai. Các hộ nông dân lựa chọn theo hình thức này rất an toàn và nhận khoản chi phí với giá từ 4.300 đồng - 4.600 đồng/kg tùy từng thời điểm. Với hình thức này có lợi thế tận dụng kỹ thuật cũng như kinh nghiệm của hộ

nuôi, công ty không phải bỏ ra một khoản tiền lớn để đầu tư dài hạn cho ao nuôi giảm áp lực tài chính cho Công ty. Việc liên kết đã hỗ trợ cho những đơn hàng xuất khẩu cá nhỏ (size 3-5 hoặc size 5-7) mà mua ngoài không có để kịp thời phục vụ đơn hàng xuất khẩu.

#### **A4. Tình hình vùng nuôi công ty:**

Công ty có hai vùng nuôi là An Thạnh Trung và Tân Hòa. Để đạt hiệu quả trong quá trình nuôi, mỗi vùng nuôi đều bố trí người quản lý, theo dõi ghi chép cấp phát thức ăn, theo dõi sử dụng thuốc, mọi thu chi của vùng nuôi đều được công khai. Hệ số thức ăn của các hầm đều dưới 1.55 kg, chi phí thuốc nằm trong khoảng 380 đến 405 đồng/kg cá nguyên liệu đây là một giá thành hợp lý. Ngoài ra thì hai vùng nuôi cũng đã hình thành được qui trình nuôi, cách xử lý khi gặp dịch bệnh, cách nhận diện quá trình tăng trưởng của cá. Do đó, chỉ tiêu nuôi trồng đến năm 2014 sẽ được mở rộng và dự kiến tăng thêm khoản 30 hecta.



VÙNG NUÔI TẠI AN THẠNH TRUNG

#### **A5. Tình hình quản lý chất lượng:**

Để đáp ứng được đơn hàng xuất khẩu, công ty đang thực hiện các chương trình quản lý chất lượng sau:

\* Vùng nuôi Tân Hòa: Đang thực hiện theo tiêu chuẩn ASC, kinh phí khoảng 600 triệu đồng, hiện UBND tỉnh Đồng Tháp đã hỗ trợ 65 triệu đồng, WWS hỗ trợ 40%, phần còn lại Proconco hỗ trợ.

\* Vùng nuôi An Thạnh Trung: Đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn Global GAP, BAP. Với tiêu chuẩn BAP đây là tiêu chuẩn áp dụng cho các lô hàng vào thị trường Hoa Kỳ.

#### **A6. Tình hình thực hiện đầu tư thức ăn năm 2013:**

Trong năm 2013 công ty đã mua tổng cộng với 44.808 tấn thức ăn để cung cấp cho vùng nuôi của công ty và vùng nuôi liên kết. Trong đó công ty mua của Proconco là 18.662 tấn thức ăn chiếm tỷ trọng 41,65%, Công ty thức ăn Việt Thắng là 14.313 tấn thức ăn chiếm tỷ trọng 31,94% và phần còn lại chủ yếu là của Công ty thức ăn Vina. Trong năm 2013 giá thức ăn tương đối ổn định và các công ty cũng áp dụng nhiều chính sách để hỗ trợ cho IDI tuy nhiên trong năm 2014 này chúng ta sẽ đầu tư nhà máy và tự sản xuất để cung cấp cho vùng nuôi của công ty cũng như vùng nuôi liên kết và kể cả việc bán cho các đại lý và hộ nông dân.

#### **B. Tình hình sản xuất cá tra tại nhà máy đông lạnh IDI năm 2013:**



- Sản lượng và định mức năm 2013 so với năm 2012:

Năm	2012	2013	Tăng	Tỷ lệ tăng
Sản lượng nguyên liệu (kg)	39,345,530	48,484,363	9,138,833	23.23%
Thành phẩm (kg)	20,891,968	25,165,611	4,273,643	20.46%
Công suất lúc cuối năm (kg/ngày)	180,000	200,000	20,000	11.11%
Định mức	2.011	2.020	-0.009	-0.45%

Sản lượng tăng thêm so với năm 2012 là 20%, tuy nhiên định mức tổng đối với cá quay phụ gia bình thường cao hơn năm 2012 là 0.009, vì trong năm 2013 Nhà máy sản xuất cá đi Mỹ rất nhiều, lượng cá Mỹ chiếm khoảng 25% so với cá thường. Khi sản xuất cá đi Mỹ đòi hỏi chất lượng cao nên cá phải tạo hình sạch hơn, toàn bộ cá đẹp phải lựa đi Mỹ.

- Công suất nhà máy hiện tại:

+ Size từ 1000 gr/con trở lên: 220 tấn/ngày.

+ Size từ 850 đến nhỏ hơn 1000 gr/con: 210 tấn/ngày.

+ Size từ 750 đến nhỏ hơn 850 gr/con: 200 tấn/ngày.

+ Size từ 700 đến nhỏ hơn 750 gr/con: 185 tấn/ngày.

+ Size từ 650 đến nhỏ hơn 700 gr/con: 160 tấn/ngày.

+ Size nhỏ hơn 650 gr/con: 145 tấn/ngày.

+ Tuy nhiên, ngoài phụ thuộc vào size cá, công suất nhà máy còn phụ thuộc vào quy cách hàng hóa sản xuất ( làm cá đỏ hoặc cá nguyên càng nhiều thì công suất nhà máy sẽ cao hơn).



Một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất của Nhà Máy TS. Đa Quốc Gia

## C. Tình hình kinh doanh năm 2013.

## C.1 Khối lượng và doanh thu xuất khẩu.

Tháng	Khối lượng có mã băng(Tấn)	Trị giá(USD)
<b>1</b>	2.691,00	<b>5.602.298</b>
<b>2</b>	1.270,80	<b>2.358.762</b>
<b>3</b>	2.160,39	<b>4.750.789</b>
<b>4</b>	2.297,06	<b>4.791.785</b>
<b>5</b>	2.733,18	<b>6.620.379</b>
<b>6</b>	2.638,96	<b>5.755.559</b>
<b>7</b>	2.995,26	<b>6.967.988</b>
<b>8</b>	3.190,01	<b>7.364.333</b>
<b>9</b>	3.321,40	<b>7.624.706</b>
<b>10</b>	3.899,52	9.095.673
<b>11</b>	3.690,75	<b>8.380.879</b>
<b>12</b>	3.787,83	9.307.722
<b>Tổng</b>	<b>34.880,22</b>	<b>78.620.963</b>

## C.2 Tỷ lệ các sản phẩm bán ra:

Sản phẩm	Khối lượng GROSS (kg)	Tỷ lệ (%)
Fillet tạo hình sạch	28,283,287	81.09%
Fillet cá đỏ	3,136,225	8.99%
Cá nguyên con	2,575,390	7.38%
Cá cắt khúc	885,318	2.54%
<b>Tổng cộng</b>	<b>34,880,220</b>	100.00%

## C.3 Thị trường &amp; khách hàng mới:

Trong năm 2013, công ty đã xuất khẩu đến 130 khách hàng tại 5 Châu lục và trong đó có các thị trường mới như Angola, Bermuda, Costa Rica, Cộng Hòa Dominica Đông Timor, Honduras, Jordani, Lybia, Nam Phi.

- Thị phần theo quốc gia:

STT	QUỐC GIA	DOANH SỐ	TỈ TRỌNG
<b>1</b>	MỸ	31,384,147	39.92%
<b>2</b>	BRA ZIN	11,072,084	14.08%
<b>3</b>	COLOMBIA	11,066,127	14.08%
<b>4</b>	TRUNG QUỐC	7,606,018	9.67%
<b>5</b>	MÊ XI CÔ	4,877,611	6.20%
<b>6</b>	HONGKONG	4,048,406	5.15%
<b>7</b>	Ả RẬP SAUDI	2,164,150	2.75%

8	ANGÊRI	1,254,527	1.60%
9	MALAYSIA	900,887	1.15%
10	TÂY BAN NHA	659,040	0.84%
11	UCRAINA	554,250	0.70%
12	ẤN ĐỘ	383,860	0.49%
13	PHILIPPINES	318,400	0.40%
14	NEW ZEALAND	262,900	0.33%
15	CANADA	229,058	0.29%
16	CH Dominica	221,520	0.28%
17	COSTA RICA	192,790	0.25%
18	CHI LÊ	176,145	0.22%
19	SINGAPORE	164,265	0.21%
20	PERU	161,415	0.21%
21	THỔ NHỊ KỲ	152,750	0.19%
22	ĐỨC	143,785	0.18%
23	UAE	110,005	0.14%
24	BUNGARIA	102,288	0.13%
25	JORDAN	92,160	0.12%
26	HÀ LAN	78,169	0.10%
27	PUERTO RICO	63,000	0.08%
28	HONDURAS	54,200	0.07%
29	BỜ ĐÀO NHA	44,775	0.06%
30	LYBIA	41,000	0.05%
31	BERMUDA	21,946	0.03%
32	ĐÔNG TIMOR	19,285	0.02%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78,620,963</b>	<b>100%</b>



Xe lạnh đang nhận hàng tại kho lạnh của nhà máy Thủy sản Đa Quốc Gia



**\* Thị trường EU:**

Tình hình kinh tế một số quốc gia khối EU đang phục hồi dần như Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp sẽ là những tín hiệu khả quan và cá tra sẽ được hồi phục mạnh tại khu vực thị trường này vì đây là nguồn cung cấp protein thủy sản chất lượng cao, ổn định và giá thành phù hợp.

**\* Mỹ:**

Đây là thị trường rất tiềm năng và đang đứng đầu về doanh số trong năm 2013. Đây cũng là thị trường có giá bán hấp dẫn đối với các công ty xuất khẩu cá tra mặc dù thuế chống bán phá giá đang hiện hữu.

Sản phẩm cá tra được người tiêu dùng Mỹ bình chọn là một trong 10 sản phẩm thủy sản được ưa chuộng nhất tại Mỹ kể từ năm 2009.

Nhu cầu thị trường đối với sản phẩm cá tra tại thị trường này còn rất nhiều vì sản lượng nuôi trồng và chế biến cá catfish nội địa tụt giảm vì chi phí nuôi và chế biến tăng cao, giá cá rô phi, cá tuyết tăng cao, đặc biệt là cá rô phi xuất xứ từ Trung Quốc có chất lượng không tốt, nguồn cung cấp hàng không ổn định.

**\* Trung Quốc và Hồng Kông:**

Mặc dù Trung Quốc là một trong số nước xuất khẩu thủy sản lớn trên thế giới nhưng nhu cầu nhập thủy sản cao, đặc biệt là sản phẩm cá tra, nguồn cung cấp protein giá thấp, thích hợp cho tất cả mọi tầng lớp người dân. Đây là thị trường đầy hứa hẹn cho sản phẩm thủy sản Việt Nam nói chung và cá tra nói riêng.



IDI THAM GIA HỘI CHỢ THỦY SẢN TẠI TRUNG QUỐC

## C.4 Thị phần theo châu lục:

Châu lục	Doanh số (USD)	Tỉ trọng (%)
<b>CHÂU MỸ</b>	59,520,043.00	75.71%
<b>CHÂU Á</b>	15,807,437.00	20.11%
<b>CHÂU ÂU</b>	1,735,057.00	2.21%
<b>CHÂU PHI</b>	1,295,527.00	1.65%
<b>CHÂU ÚC</b>	262,900.00	0.33%
<b>Tổng cộng:</b>	78,620,964.00	100.00%

**4.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014:**

- Kinh doanh cá tra Fillet xuất khẩu.
  - Tập trung vào những thị trường mới tiềm năng như: Nga, Mỹ, Trung Quốc, Nam Mỹ, Bắc Phi, Nam Phi...
  - Nâng công suất sản xuất của nhà máy và nâng doanh thu thủy sản của công ty đạt mức khoảng 2.300 tỷ đồng và đạt lợi nhuận trước thuế là khoảng 106 tỷ đồng.
  - Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh tạo công việc ổn định cho người lao động trong vùng.
  - Nâng thứ hạng của công ty IDI lên top 4 nhà máy chế biến và xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.
  - Ngoài ra trong quý II/2014 Công ty sẽ bắt đầu nuôi cá có vây như cá rô phi, cá diêu hồng để bổ sung thêm sản phẩm mới cho xuất khẩu. Trong quý II/2014 sẽ cố gắng sản xuất và xuất khẩu lô đầu tiên sang thị trường Mỹ để công nhân có kinh nghiệm cũng như các bộ phận phòng ban khác có liên quan có kế hoạch chi tiết.
  - Ngay từ những tháng cuối năm 2013, công ty đã định hướng chuyển đổi cơ cấu thị trường nhằm hạn chế rủi ro.
  - Đến cuối 2013, công ty có 250 khách hàng tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc năm châu lục.
  - Đối với những thị trường hiện có, công ty tiếp tục củng cố khách hàng, tăng sự hài lòng và tăng tần suất mua lại của khách qua việc chăm sóc khách hàng, phân loại khách hàng và phân khúc thị trường để có chiến lược hợp tác lâu dài.
  - Công ty và phòng kinh doanh sẽ tập trung mạnh vào các thị trường tiềm năng và kế hoạch bán hàng mỗi tháng dự kiến theo cơ cấu thị trường như sau Mỹ (dự kiến 20 container/tháng), Trung Quốc (dự kiến 50 container/tháng), Trung Đông (20 container/tháng), Mexico (20 container/tháng), Trung & Nam Mỹ (30 container/tháng), các thị trường khác (30 container/tháng). Công ty cũng sẽ mở rộng thị trường mới như một số nước Châu Phi như Ai Cập, Nigeria, Nam Phi, Algeria, Úc, New Zealand... Đồng thời, công ty cũng sẽ tập trung vào thị trường EU.
  - Mặt khác, công ty cũng sẽ quan tâm nhiều đến các khách hàng là hệ thống siêu thị, nhà hàng, các nhà chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ cá tra để có những đơn hàng dài hạn (6 đến 12 tháng) và duy trì sản xuất ổn định.

## C.5.1 Khối lượng tiêu thụ theo kế hoạch năm 2014.

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	725	1,328	242	120	483	161	161	3,220
2	423	775	141	71	282	94	94	1,880
3	604	1,107	201	101	402	134	134	2,683

4	665	1,219	222	111	443	147	147	2,954
5	504	1,208	201	101	402	134	134	2,684
6	604	1,450	242	120	483	161	161	3,221
7	604	1,450	242	120	483	161	161	3,221
8	604	1,450	242	120	483	161	161	3,221
9	604	1,450	242	120	483	161	161	3,221
10	654	1,570	262	130	524	174	174	3,488
11	654	1,570	262	130	524	174	174	3,488
12	786	1,440	262	130	524	174	174	3,490
Tổng	7,431	16,017	2,761	1,374	5,516	1,836	1,836	36,771

- Luôn xem chất lượng là yếu tố then chốt trong chế biến hàng xuất khẩu và luôn luôn nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Kiểm tra giám sát chặt chẽ từ khâu nuôi cá, thu mua cá, và từng khâu trong chế biến và xuất hàng.

- Cam kết mang lại cho khách hàng sản phẩm chất lượng tốt, đảm bảo tính ổn định của chất lượng sản phẩm.

- Không ngừng cải tiến quy trình sản xuất chế biến nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

- Đào tạo đội ngũ nhân viên và cán bộ kỹ thuật, quản lý chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và luôn tạo sự hài lòng cho khách hàng.

- Nhà máy sẽ cải tiến quy trình sản xuất, cắt giảm chi phí chế biến nhằm đảm bảo sản phẩm có giá thành cạnh tranh hấp dẫn khách hàng.

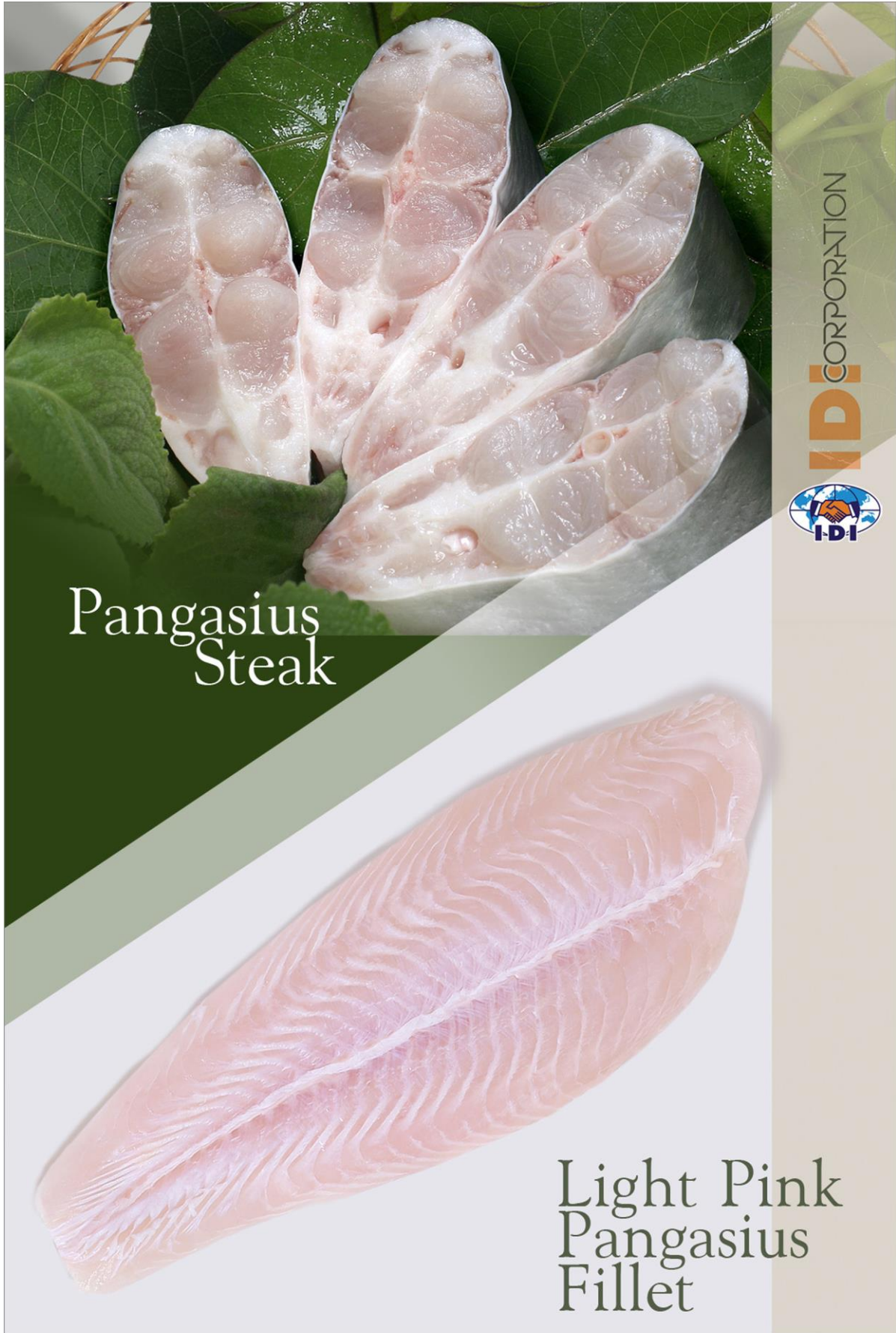
- Đối với thị trường cao cấp, công ty sẽ tăng cường tiếp thị và đẩy mạnh sản phẩm cao cấp như cá tra fillet trắng và trắng hồng không xử lý phụ gia, cá tra fillet được chế biến từ nguyên liệu có chứng nhận Global GAP, BAP, ASC, sản phẩm đóng túi lẻ, cá fillet tẩm bột, cá fillet xông CO<sub>2</sub>, cá tra fillet cắt miếng, cá xiên que, cá cuộn (sản phẩm mới) và sản phẩm đông block công nghiệp cung cấp cho các nhà chế biến cá finger, portion v.v....

- Ngoài ra, với chứng nhận ASC, BAP, BRC, ... công ty cũng sẽ tiếp cận hệ thống siêu thị lớn của Mỹ như Walmart, Costco, US food service, v.v....

- Đối với thị trường bình dân, tiếp tục phát huy những sản phẩm thông thường như các loại cá fillet tạo hình sạch, fillet còn thịt đỏ, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v... nhằm đáp ứng công suất sản xuất của hai xưởng, giảm áp lực cạnh tranh và tăng doanh thu.







Các sản phẩm của nhà máy thủy sản IDI



### C.5.2 Doanh thu kế hoạch năm 2014.

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lột	Fillet hồng	Fillet vàng lột	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng doanh thu
1	2,117,230	3,849,572	696,290	342,683	1,038,528	363,987	358,735	8,767,025
2	1,235,294	2,246,550	405,690	202,754	606,346	212,514	209,448	5,118,596
3	1,763,871	3,208,943	578,323	288,424	864,365	302,946	298,575	7,305,447
4	1,942,011	3,533,605	638,745	316,981	952,522	332,336	327,541	8,043,741
5	1,471,840	3,501,719	578,323	288,424	864,365	302,946	298,575	7,306,192
6	1,763,871	4,203,222	696,290	342,683	1,038,528	363,987	358,735	8,767,316
7	1,763,871	4,203,222	696,290	342,683	1,038,528	363,987	358,735	8,767,316
8	1,763,871	4,203,222	696,290	342,683	1,038,528	363,987	358,735	8,767,316
9	1,763,871	4,203,222	696,290	342,683	1,038,528	363,987	358,735	8,767,316
10	1,909,887	4,551,075	753,834	371,239	1,126,685	393,378	387,701	9,493,799
11	1,909,887	4,551,075	753,834	371,239	1,126,685	393,378	387,701	9,493,799
12	2,295,369	4,174,234	753,834	371,239	1,126,685	393,378	387,701	9,502,440
<b>Tổng</b>	<b>21,700,873</b>	<b>46,429,661</b>	<b>7,944,033</b>	<b>3,923,715</b>	<b>11,860,293</b>	<b>4,150,811</b>	<b>4,090,917</b>	<b>100,100,303</b>

- Thu hút nhân viên bán hàng giỏi và đào tạo lực lượng bán hàng kế thừa.
- Tập trung bán hàng vào những thị trường tiềm năng.
- Ưu tiên những khách hàng uy tín, thanh toán tốt, mua hàng ổn định và ưu tiên những phương thức thanh toán nhanh nhằm tạo vòng quay vốn nhanh tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tạo sự khác biệt so với các công ty cùng ngành nghề qua việc luôn đảm bảo 3 yêu cầu quan trọng của khách hàng là “giá tốt, chất lượng tốt và dịch vụ tốt”.

- Tổ chức những đợt tham dự hội chợ Thủy sản quốc tế như hội chợ Boston – USA, tháng 3-2014, Hội chợ Brussel – Bỉ tháng 5-2014 và tổ chức các chuyến đi khảo sát thị trường và làm việc với khách hàng như chuyến khảo sát khu vực Nam Mỹ Brazil, Colombia, Peru, khu vực Châu Phi như Ai Cập, Nam Phi, An Giê Ri, v.v...



SẢN PHẨM TỪ CÁ TRA XUẤT KHẨU



C.5.3 Kế hoạch sản xuất.

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	728	1,334	243	121	485	162	162	3,235
2	425	778	142	71	283	94	94	1,887
3	607	1,112	202	101	404	135	135	2,696
4	668	1,224	223	111	445	148	148	2,967
5	506	1,213	202	101	404	135	135	2,696
6	607	1,456	243	121	485	162	162	3,236
7	607	1,456	243	121	485	162	162	3,236
8	607	1,456	243	121	485	162	162	3,236
9	607	1,456	243	121	485	162	162	3,236
10	657	1,577	263	131	526	175	175	3,504
11	657	1,577	263	131	526	175	175	3,504
12	789	1,446	263	131	526	175	175	3,505
Tổng	7,465	16,085	2,773	1,382	5,539	1,847	1,847	36,938

- Luôn tìm hiểu và luôn cải tiến quy trình sản xuất, định mức sản xuất để có giá thành tốt hơn.

- Luôn đảm bảo lực lượng công nhân lành nghề nhằm ổn định sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm

- Luôn lắng nghe những phản hồi của khách hàng và ứng dụng những tiến bộ công nghệ và kỹ thuật tiên tiến nhất trong chế biến và quản lý nhà máy.

- Tăng cường nâng cao nghiệp vụ đội ngũ quản lý nhà máy, quản lý chất lượng sản phẩm nhằm luôn đáp ứng mọi nhu cầu về chất lượng sản phẩm.

- Tuyển dụng và đào tạo thêm đội ngũ quản lý nhà máy, công nhân để đáp ứng nhu cầu tăng công suất hoạt động nhà máy.

C.5.4 Kế hoạch nguyên liệu đầu vào.

Tháng	Khối lượng cá T1	Khối lượng cá T2	Tổng số nguyên liệu/tháng
1	4,035	2,173	6,208
2	2,353	1,267	3,620
3	3,363	1,811	5,174
4	3,700	1,992	5,692
5	3,104	2,070	5,174
6	3,725	2,483	6,208
7	3,725	2,483	6,208
8	3,725	2,483	6,208
9	3,725	2,483	6,208
10	4,036	2,690	6,726
11	4,036	2,690	6,726
12	4,372	2,354	6,726
Tổng	43,899	26,979	70,878

- Diện tích vùng nuôi riêng của công ty là 30 Ha với sản lượng 11.000 -12.000 Tấn cá nguyên liệu/năm chiếm 15% tổng sản lượng nguyên liệu cần cho nhà máy.
- Diện tích vùng nuôi liên kết là 110 Ha, tổng sản lượng là 40.000 - 45.000 Tấn cá nguyên liệu, chiếm 65%.
- Còn lại khoảng 20% nhu cầu nguyên liệu của nhà máy (13.000 Tấn), công ty sẽ thu mua từ nông dân bên.
- Nhìn chung, xí nghiệp nuôi trồng và phòng thu mua nguyên liệu sẽ đảm bảo đủ sản lượng nguồn nguyên liệu (khoảng 70.000 tấn) cho chế biến đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm.



Vùng nuôi thủy sản

➤ **Kinh doanh dầu ăn Sao Mai.**

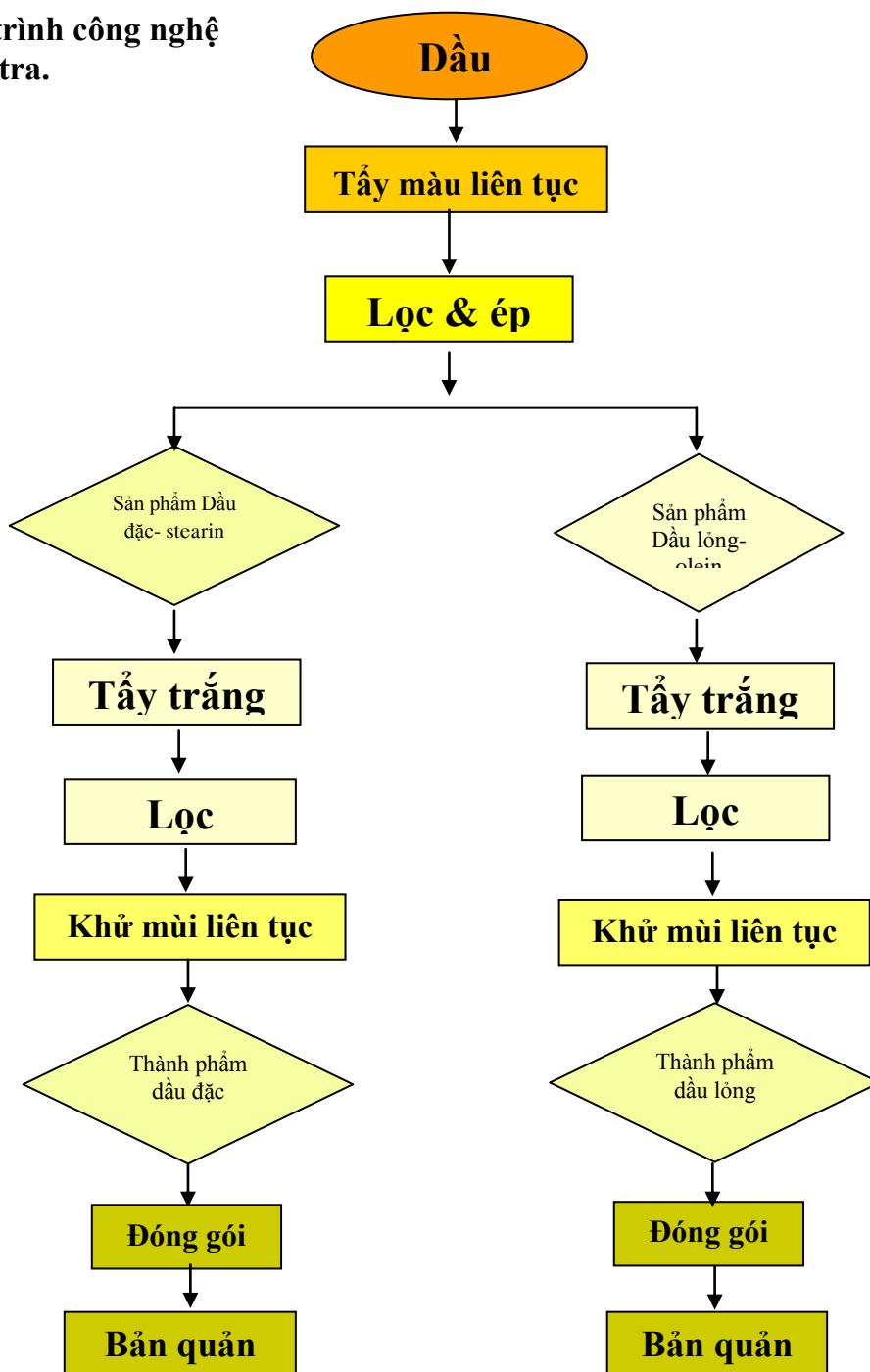
- Mục tiêu sau khi nhà máy chiết rót đồng chạy hoàn thành thì với dầu nền được sản xuất ra Công ty sẽ cho ra 4 dòng sản phẩm: Dầu ăn dinh dưỡng cao cấp Sao Mai, dầu ăn dinh dưỡng Sao Mai, dầu cooking Sao Mai và dầu Sorterning Sao Mai (bắt đầu bán ra thị trường vào tháng 05/2014). Với các chỉ tiêu dinh dưỡng rất tốt và giá thành cạnh tranh cao so với các dầu ăn hiện tại nên Công ty sẽ tập trung vào thị trường trong nước. Bên cạnh đó Công ty cũng tìm kiếm các khách hàng ngoài nước và nhắm đến các hệ thống siêu thị lớn ở các nước như Mỹ, Châu Âu... để xuất khẩu.

- Tập trung vào việc quảng cáo thương hiệu thông qua các kênh truyền hình, hội thảo tại các thành phố lớn như TP.HCM, TP Hà Nội...

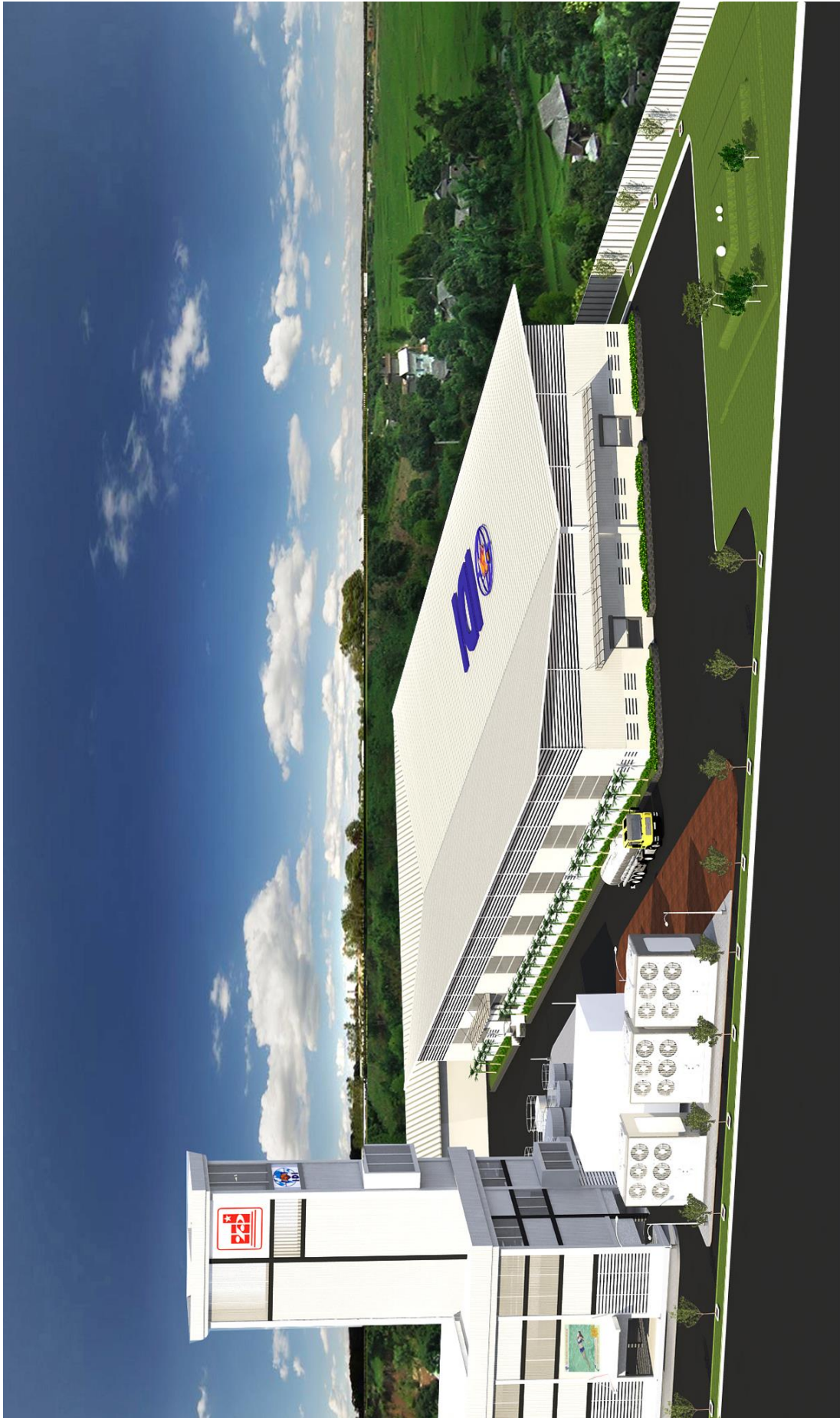
- Tìm đối tác độc quyền có đủ năng lực tài chính để phân phối dầu tại các tỉnh có tiềm năng.

- Đảm bảo cho công suất nhà máy hoạt động trên 50% công suất và doanh thu về mảng dầu này năm 2014 đạt 520 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt khoản 29 tỷ đồng.

**Sơ đồ quy trình công nghệ lọc dầu cá tra.**







Nhà máy tinh luyện dầu cá (Thực phẩm dinh dưỡng) trong cụm công nghiệp Vàm Cống

➤ **Kinh doanh bất động sản.**

- Trong năm 2014 dự án Trung tâm thương mại Lấp Vò hoàn thành và đẩy mạnh kinh doanh lĩnh vực này trong năm 2014 bán được số nền khoản 20% số nền của tổng dự án, kết hợp với dự án khu tái định cư cụm công nghiệp Vàm Cống thì dự báo mảng kinh doanh này cho năm 2014 đạt doanh thu khoản 47 tỷ và lợi nhuận sau thuế khoản 10 tỷ đồng.

Bảng kết quả kinh doanh kế hoạch năm 2014 như sau:

Chi tiêu	Năm 2014			Tổng Cộng
	Cá tra Fillet	Dầu Ăn Sao Mai	Bất động sản	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,379,159,373,908	529,434,324,000	47,097,540,816.33	2,955,691,238,724
4. Giá vốn hàng bán	2,109,563,033,725	427,094,552,268	31,458,020,408.16	2,568,115,606,401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	269,596,340,183	102,339,771,732	15,639,520,408.16	387,575,632,323
6. Doanh thu hoạt động tài chính	18,414,515,010			18,414,515,010
7. Chi phí tài chính	64,595,313,188	14,374,394,732	1,278,720,725	80,248,428,645
8. Chi phí bán hàng	95,042,959,128	42,354,745,920	941,950,816.33	138,339,655,864
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21,437,087,748	15,883,029,720		37,320,117,468
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	106,935,495,129	29,727,601,359.84	13,418,848,866.87	150,081,945,356
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,346,774,756.45	0	2,683,769,773.37	8,030,544,530
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	101,588,720,372.55	29,727,601,359.84	10,735,079,093.50	142,051,400,826
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)				3,738

C.5.4 Kế hoạch cổ tức như sau: Với kết quả sản xuất kinh doanh như trên, Ban điều hành trình Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch cổ tức năm 2014 là 10% tiền mặt.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



Được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.Hồ Chí Minh-Tel: (84.8)38205944 fax: (84.8)38205942

E-mail: [infor@aascs.com.vn](mailto:infor@aascs.com.vn) Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

---

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	04 - 04
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0303141296 ngày 01 tháng 04 năm 2011.

### Ngành nghề kinh doanh

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 01 tháng 04 năm 2011 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

### Quy mô vốn đầu tư

Công ty liên doanh, liên kết	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	68.000.000.000 VND	45,33%
Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	20.319.500.000 VND	16,93%
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	32.850.000.000 VND	27,38%

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính

Năm 2013	41.098.539.573 VND
Năm 2012	36.589.044.556 VND

Lợi nhuận chưa phân phối

Tại ngày 31/12/2013	159.838.356.812 VND
Tại ngày 31/12/2012	124.288.173.923 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I** Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp. kết thúc tại ngày 31/12/2013

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

### Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Ông Lê Thanh Thuán	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
- Ông Lê Xuân Qué	Thành viên
- Ông Lê Văn Chung	Thành viên
- Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên
- Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên
- Ông Nguyễn Văn San	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

- Ông Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc	Ngày bổ nhiệm 23/10/2013
- Ông Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc	
- Ông Lê Đình Lịch	P.Tổng Giám đốc	
- Ông Trương Công Khánh	Giám đốc Tài chính	
- Ông Lê Xuân Định	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
- Bà Lê Thị Ngọc An	Ủy viên

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp. kết thúc tại ngày 31/12/2013

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch



Lê Thanh Thuận

Thay mặt Ban Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Lê Văn Chung





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCs)

Số: 254 /BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)**

**Tổng Giám đốc**

**Đỗ Khắc Thanh**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 064-2013-142-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Mỹ Ngọc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1091-2013-142-1





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.063.980.356.682</b>	<b>934.501.980.083</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01.</b>	<b>103.521.029.113</b>	<b>21.363.629.685</b>
1. Tiền	111		40.021.029.113	11.363.629.685
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.500.000.000	10.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02.</b>	<b>13.364.863.281</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.364.863.281	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>702.867.218.316</b>	<b>478.786.032.634</b>
1. Phải thu khách hàng	131	<b>V.03.</b>	625.421.180.985	399.649.597.430
2. Trả trước cho người bán	132		26.953.177.099	32.897.281.998
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.04.</b>	80.479.793.017	74.629.254.019
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(29.986.932.785)	(28.390.100.813)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>222.400.600.692</b>	<b>423.278.525.981</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.05.</b>	222.400.600.692	423.278.525.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.826.645.280</b>	<b>11.073.791.783</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.411.735.378	1.308.689.264
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>V.14.1</b>	2.959.548.305	731.438.085
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>V.14.1</b>	874.935.598	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.06.</b>	15.580.425.999	9.033.664.434





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL. 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>781.633.674.140</b>	<b>533.851.465.066</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>643.901.938.622</b>	<b>419.899.674.640</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.07.</b>	353.984.656.610	306.487.141.527
- Nguyên giá	222		437.083.475.448	363.071.807.791
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(83.098.818.838)	(56.584.666.264)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>V.08.</b>	102.618.685.979	6.173.127.192
- Nguyên giá	225		108.293.929.612	10.120.565.166
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(5.675.243.633)	(3.947.437.974)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.09.</b>	96.789.203.868	66.757.304.746
- Nguyên giá	228		97.562.073.291	66.797.846.018
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(772.869.423)	(40.541.272)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>V.10.</b>	90.509.392.165	40.482.101.175
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.11.</b>	<b>126.884.612.314</b>	<b>103.795.019.815</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		121.169.500.000	109.319.500.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.000.000.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(3.284.887.686)	(5.524.480.185)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.847.123.204</b>	<b>10.156.770.611</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.12.</b>	1.583.973.204	1.116.968.459
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		9.263.150.000	9.039.802.152
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.845.614.030.822</b>	<b>1.468.353.445.149</b>

011725  
 CÔNG TY  
 CHIẾM HỮU  
 VỤ TƯ V  
 KH KẾ T  
 EM TOÁ  
 A NAM  
 P. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL. 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.268.106.594.832</b>	<b>930.055.096.504</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.200.868.943.197</b>	<b>839.321.108.380</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13.	788.109.578.429	574.310.683.778
2. Phải trả người bán	312		263.652.526.133	205.417.791.302
3. Người mua trả tiền trước	313		19.888.216.057	26.207.686.231
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14.2	58.027.608	7.369.905.104
5. Phải trả người lao động	315		16.978.250.016	12.226.406.428
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15.	108.500.916.192	10.310.761.371
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.681.428.762	3.477.874.166
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>67.237.651.635</b>	<b>90.733.988.124</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16.	67.237.651.635	90.332.395.574
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	401.592.550
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>577.507.435.990</b>	<b>538.298.348.645</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17.	<b>577.507.435.990</b>	<b>538.298.348.645</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.668.800.000	17.668.800.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.000.139.589	8.170.687.361
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.000.139.589	8.170.687.361
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		159.838.356.812	124.288.173.923
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.845.614.030.822</b>	<b>1.468.353.445.149</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp kết thúc tại ngày 31/12/2013

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		264.603,64	263.328,42
- Nhân dân tệ (CNY)		1.879,00	8.060,00
- Euro (EUR)		2.032,89	1.943,81
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Trần Phước Minh



Lê Xuân Định



Lê Văn Chung





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>V.18.</b>	<b>1.816.412.718.345</b>	<b>1.349.993.713.576</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.19.	11.999.007.025	18.836.334.600
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>V.20.</b>	<b>1.804.413.711.320</b>	<b>1.331.157.378.976</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	V.21.	1.620.882.463.534	1.118.284.883.922
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>183.531.247.786</b>	<b>212.872.495.054</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>V.22.</b>	16.025.956.895	10.620.431.292
7. Chi phí tài chính	22	<b>V.23.</b>	62.235.790.740	76.264.633.342
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		49.440.910.058	64.357.941.421
8. Chi phí bán hàng	24		76.894.649.298	95.103.219.935
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.138.697.719	22.198.606.884
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>40.288.066.924</b>	<b>29.926.466.185</b>
11. Thu nhập khác	31		1.297.786.294	4.495.075.701
12. Chi phí khác	32		1.838.753.863	2.655.968.122
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(540.967.569)</b>	<b>1.839.107.579</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>39.747.099.355</b>	<b>31.765.573.764</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	<b>V.24</b>	(949.847.668)	(5.225.063.342)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(401.592.550)	401.592.550
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>41.098.539.573</b>	<b>36.589.044.556</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	<b>V.25</b>	<b>1.082</b>	<b>963</b>

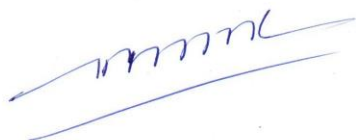
501172  
 CÔNG TY  
 H. NHÌM HỮU  
 VỤ TƯ  
 TÍNH KẾ  
 KÈM TO  
 T. AN NAM  
 TP. HỒ C

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trần Phước Minh



Lê Xuân Định



Lê Văn Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.614.654.267.326	1.579.833.985.539
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.567.309.694.338)	(1.380.271.918.079)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(106.727.522.707)	(78.862.065.553)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(56.196.195.948)	(68.265.462.576)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(138.172.585)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.799.616.660.801	3.127.983.288.808
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.719.781.272.161)	(3.165.476.937.506)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(35.881.929.612)</b>	<b>14.940.890.633</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(56.332.674.000)	(61.854.342.000)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		7.757.048.000	805.143.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.	25		(24.176.059.958)	(100.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		453.705.626	1.117.701.800
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(72.297.980.332)</b>	<b>(60.031.497.200)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.975.651.132.356	1.415.909.405.660
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.771.585.858.482)	(1.462.769.540.794)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(13.361.123.162)	(2.019.411.067)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(384.275.000)	(37.327.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>190.319.875.712</b>	<b>(86.206.846.201)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>82.139.965.768</b>	<b>(131.297.452.768)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>21.363.629.685</b>	<b>152.636.356.786</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.433.660	24.725.667
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>103.521.029.113</b>	<b>21.363.629.685</b>

Người lập biểu



Trần Phước Minh

Kế toán trưởng



Lê Xuân Định

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám Đốc



Lê Văn Chung



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0303141296 ngày 01 tháng 04 năm 2011.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 01 tháng 04 năm 2011 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

### II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL.80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

### IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng đôla Mỹ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

	US dollar	EUR	CNY
Tỷ giá bình quân các ngân hàng tại 31.12.2013:	21.081	28.890	3.465



#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hóa thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khóa sổ và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

#### - Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Không tính khấu hao

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

#### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL. 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000002 ngày 08 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 51121000003 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống" với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm (đến năm 2015) tiếp theo.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

TIỀN	Ngoại tệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TIỀN</b>		<b>40.021.029.113</b>	<b>11.363.629.685</b>		
<b>a. Tiền mặt</b>		<b>3.447.857.235</b>	<b>562.258.081</b>		
- Tiền mặt VND		3.295.174.358	298.722.243		
- Tiền mặt ngoại tệ		152.682.877	263.535.838		
+ Tiền mặt gốc USD	4.419,12	93.159.469	236.131.838		
+ Tiền mặt gốc EUR	1.835,00	53.012.673			
+ Tiền mặt gốc CNY	1.879,00	6.510.735	27.404.000		
<b>b. Tiền gửi NH</b>		<b>36.573.171.878</b>	<b>10.801.371.604</b>		
- Tiền gửi VND		31.082.505.022	5.501.509.831		
- Tiền gửi ngoại tệ		5.490.666.856	5.299.861.773		
+ Tiền gửi gốc USD	260.184,52	5.484.949.865	5.294.143.720		
+ Tiền gửi gốc EUR	197,89	5.716.991	5.718.053		
<b>c. Tiền đang chuyển</b>					
<b>CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		<b>63.500.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>		
<b>Cộng</b>		<b>103.521.029.113</b>	<b>21.363.629.685</b>		

0501  
CỔN  
ÁCH NH  
CH V  
CHÍNH  
À KIẾ  
PHÍA  
- TP

#### 02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>2.1. Đầu tư ngắn hạn</b>		<b>13.364.863.281</b>		
a. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2.400.000	13.364.863.281		
+ ASM	2.400.000	13.364.863.281		
b. Đầu tư ngắn hạn khác				
<b>2.2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>				
<b>Cộng</b>		<b>13.364.863.281</b>		

#### 03. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Gốc USD	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng trong nước		208.498.455.727	116.732.332.440		
Phải thu khách hàng nước ngoài	12.039.417,02	253.802.950.201	58.513.285.449		
Phải thu khách hàng nước ngoài xuất khẩu uỷ thác	7.737.762,68	163.119.775.057	224.403.979.541		
<b>Cộng</b>		<b>625.421.180.985</b>	<b>399.649.597.430</b>		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

04. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	11.667.223	11.667.223
- Phải thu khác	80.468.125.794	74.617.586.796
+ Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	12.265.895.034	9.151.111.330
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	4.196.705.222	4.196.705.222
+ Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	170.127.566	7.104.238.544
+ Công ty CP ĐTTC và truyền thông Quốc Tế	1.250.000.000	1.250.000.000
+ Công ty CP ĐT địa ốc & khoáng sản Châu Á	26.182.000	14.470.000
+ Ban Quản lý dự án huyện Lấp Vò	55.614.520.900	52.609.431.900
+ Chi cục Thuế tỉnh Đồng Tháp	5.821.540.906	5.821.540.906
+ Đối tượng khác	1.123.154.166	291.629.800
<b>Cộng</b>	<b>80.479.793.017</b>	<b>74.629.254.019</b>
05. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	223.514.940	2.610.000
- Nguyên liệu, vật liệu	23.746.346.571	7.291.409.068
- Công cụ, dụng cụ	318.373.040	403.722.687
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	69.850.399.924	168.907.432.883
- Thành phẩm	112.084.216.538	137.330.470.699
- Hàng hóa	7.368.995.817	108.958.509.121
- Hàng gửi đi bán	8.808.753.862	384.371.523
<b>Cộng</b>	<b>222.400.600.692</b>	<b>423.278.525.981</b>
06. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý		91.385.928
- Tạm ứng	13.391.245.100	4.697.997.609
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.189.180.899	4.244.280.897
+ NH TMCP Sài Gòn Hà Nội -CN.An Giang	103.846,16	2.189.180.899
<b>Cộng</b>	<b>15.580.425.999</b>	<b>9.033.664.434</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL. 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.L.áp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 07. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	88.088.653.536	265.936.424.951	4.882.129.959	1.402.045.839	2.762.553.506	363.071.807.791
Số tăng trong năm	36.949.441.666	39.860.821.492		149.363.455	428.777.000	77.388.403.613
- Mua trong năm		1.943.500.000		149.363.455	428.777.000	2.521.640.455
- Đầu tư XDCB hoàn thành	36.949.441.666	37.917.321.492				74.866.763.158
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		1.591.584.954	89.021.819	604.306.494	1.091.822.689	3.376.735.956
- Thanh lý, nhượng bán		398.638.878				398.638.878
- Giảm khác		1.192.946.076	89.021.819	604.306.494	1.091.822.689	2.978.097.078
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>125.038.095.202</b>	<b>304.205.661.489</b>	<b>4.793.108.140</b>	<b>947.102.800</b>	<b>2.099.507.817</b>	<b>437.083.475.448</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	3.916.325.822	48.218.539.826	2.530.829.114	727.163.087	1.191.808.415	56.584.666.264
Số tăng trong năm	2.621.642.696	24.583.737.770	524.002.562	191.276.456	403.032.474	28.323.691.958
- Khấu hao trong năm	2.621.642.696	24.583.737.770	524.002.562	191.276.456	403.032.474	28.323.691.958
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		750.032.125	46.911.458	427.344.820	585.250.981	1.809.539.384
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		88.586.432				88.586.432
- Giảm khác		661.445.693	46.911.458	427.344.820	585.250.981	1.720.952.952
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.537.968.518</b>	<b>72.052.245.471</b>	<b>3.007.920.218</b>	<b>491.094.723</b>	<b>1.009.589.908</b>	<b>83.098.818.838</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	84.172.327.714	217.717.885.125	2.351.300.845	674.882.752	1.570.745.091	306.487.141.527
Tại ngày cuối năm	118.500.126.684	232.153.416.018	1.785.187.922	456.008.077	1.089.917.909	353.984.656.610



Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
QL.80, CCN Vàm Cống, ấp. An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

**08. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			10.120.565.166			10.120.565.166
Số dư đầu năm		98.173.364.446				98.173.364.446
Số tăng trong năm		98.173.364.446				98.173.364.446
- Mua trong năm		98.173.364.446				98.173.364.446
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tặng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm		98.173.364.446	10.120.565.166			108.293.929.612
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm			3.947.437.974			3.947.437.974
Số tăng trong năm		719.949.155	1.007.856.504			1.727.805.659
- Khấu hao trong năm		719.949.155	1.007.856.504			1.727.805.659
- Tặng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm		719.949.155	4.955.294.478			5.675.243.633
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm			6.173.127.192			6.173.127.192
Tại ngày cuối năm		97.453.415.291	5.165.270.688			102.618.685.979



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

**09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	66.734.346.018		63.500.000		66.797.846.018
Số tăng trong năm	30.732.727.273		31.500.000		30.764.227.273
- Mua trong năm	30.732.727.273		31.500.000		30.764.227.273
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	97.467.073.291		95.000.000		97.562.073.291
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	35.249.602		5.291.670		40.541.272
Số tăng trong năm	723.353.147		8.975.004		732.328.151
- Khấu hao trong năm	723.353.147		8.975.004		732.328.151
- Tăng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	758.602.749		14.266.674		772.869.423
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	66.699.096.416		58.208.330		66.757.304.746
Tại ngày cuối năm	96.708.470.542		80.733.326		96.789.203.868



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>- Xây dựng cơ bản dở dang:</b>	<b>90.420.892.167</b>	<b>40.450.601.177</b>
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	32.614.674.347	25.730.006.490
+ Hạ tầng khu tái định cư		
+ Trạm dừng chân-bến xe Lấp Vò	90.318.182	90.318.182
+ Nhà máy đông lạnh	518.181.818	5.613.986.211
+ Nhà Điều hành Cty IDI		
+ Khu liên hợp Công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI	454.545.455	454.545.455
+ Trung tâm thương mại H.Lấp Vò	13.783.314.945	1.390.884.617
+ Đất khu tái định cư	5.927.374.928	7.170.860.222
+ Nhà máy tinh lọc dầu cá	37.032.482.492	
<b>- Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>88.499.998</b>	<b>31.499.998</b>
<b>Cộng</b>	<b>90.509.392.165</b>	<b>40.482.101.175</b>

### 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Đầu tư và công ty con</b>			
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>Tỷ lệ góp</b>	<b>121.169.500.000</b>	<b>109.319.500.000</b>
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản	45,33%	68.000.000.000	68.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	16,93%	20.319.500.000	11.319.500.000
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	27,38%	32.850.000.000	30.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>Tỷ lệ góp</b>	<b>9.000.000.000</b>	
- Công ty CP Nhựt Hồng (*)	11,25%	9.000.000.000	
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>(3.284.887.686)</b>	<b>(5.524.480.185)</b>
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản	45,33%		(2.580.864.576)
- Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	16,93%	(3.230.885.860)	(2.868.975.809)
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	27,38%	(54.001.826)	(74.639.800)
<b>Cộng</b>		<b>126.884.612.314</b>	<b>103.795.019.815</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Nhựt Hồng theo Biên bản họp HĐQT số 02/BB-HĐQT ngày 5/2/2013 và theo Hợp đồng liên doanh số 03/HĐLD-2013/NH-IDI ngày 01/10/2013.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ, bao bì	1.100.812.529	1.566.000.475	1.115.804.576	1.551.008.428
- Công cụ dụng cụ khác	16.155.930	43.127.272	26.318.426	32.964.776
<b>Cộng</b>	<b>1.116.968.459</b>	<b>1.609.127.747</b>	<b>1.142.123.002</b>	<b>1.583.973.204</b>

### 13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Gốc USD	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Vay ngắn hạn ngân hàng</b>		<b>788.109.578.429</b>	<b>574.310.683.778</b>
+ Việt Nam đồng		305.930.000.000	185.338.945.615
+ Ngoại tệ - USD	22.872.709	482.179.578.429	388.971.738.163
<b>b. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>			
<b>Cộng</b>		<b>788.109.578.429</b>	<b>574.310.683.778</b>

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>14.1 Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước</b>		
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.959.548.305	731.438.085
- Thuế giá trị gia tăng phải thu Nhà Nước	347.672.938	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	527.262.660	
<b>Cộng</b>	<b>3.834.483.903</b>	<b>731.438.085</b>
<b>14.2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước</b>		
- Thuế giá trị gia tăng		11.310.659.252
- Thuế xuất, nhập khẩu		94.798.642
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.278.538.522)
- Thuế thu nhập cá nhân	51.592.608	156.629.460
- Thuế tài nguyên	6.435.000	9.126.000
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		34.662.372
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		42.567.900
<b>Cộng</b>	<b>58.027.608</b>	<b>7.369.905.104</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	27.715.597	154.582.518
- Kinh phí công đoàn	345.956.280	174.806.280
- Bảo hiểm xã hội	144.924.000	139.276.000
- Bảo hiểm y tế	27.173.250	27.000.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.077.000	11.914.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.732.880.500	6.453.861.480
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	98.210.189.565	3.349.321.093
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	651.550.000	1.060.050.000
+ <i>Tiền vận chuyển</i>	2.864.763.818	-
+ <i>Công ty CP ĐT &amp; XD Sao Mai tỉnh An Giang</i>	576.499.525	220.184.025
+ <i>Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản</i>	7.045.500	457.600
+ <i>Hoa hồng môi giới</i>	1.263.732.766	293.063.806
+ <i>Phải trả khác</i>	92.846.597.956	1.775.563.662
<b>Cộng</b>	<b>108.500.916.192</b>	<b>10.310.761.371</b>

	Gốc USD	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>16. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN</b>			
<b>a. Vay dài hạn</b>		<b>22.856.668.034</b>	<b>30.065.104.800</b>
Vay ngân hàng VND		17.985.481.364	27.533.898.000
Vay ngân hàng USD	231.070,00	4.871.186.670	2.531.206.800
<b>b. Nợ dài hạn</b>		<b>44.380.983.601</b>	<b>60.267.290.774</b>
<b>Cộng</b>		<b>67.237.651.635</b>	<b>90.332.395.574</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### V.17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>5.684.612.005</b>	<b>7.635.964.465</b>	<b>7.635.964.465</b>	<b>127.303.298.055</b>	<b>545.928.638.990</b>
Tăng vốn trong năm trước							
- Lãi trong năm trước						36.589.044.556	36.589.044.556
- Chia cổ tức năm 2011 (*)						(38.000.000.000)	(38.000.000.000)
- Tăng khác			58.234.605				58.234.605
Giảm vốn trong năm trước							
- Trích lập các quỹ				534.722.896	534.722.896	(1.604.168.688)	(534.722.896)
- Giảm khác			(5.742.846.610)				(5.742.846.610)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>-</b>	<b>8.170.687.361</b>	<b>8.170.687.361</b>	<b>124.288.173.923</b>	<b>538.298.348.645</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>							
Tăng vốn trong năm nay							
- Lãi trong năm nay						41.098.539.573	41.098.539.573
- Tăng do trích lập từ quỹ (**)				1.829.452.228	1.829.452.228		3.658.904.456
Giảm vốn trong năm nay							
- Trích lập các quỹ (**)						(5.488.356.684)	(5.488.356.684)
- Thù lao HĐQT (**)						(60.000.000)	(60.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.139.589</b>	<b>10.000.139.589</b>	<b>159.838.356.812</b>	<b>577.507.435.990</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/2012 ngày 19 tháng 05 năm 2012 Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

(\*\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/2013 ngày 19 tháng 05 năm 2013 Đại hội cổ đông thường niên năm 2013.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### V.17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	%	<u>Số đầu năm</u>	%
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các cổ đông	380.000.000.000	100%	380.000.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b><u>380.000.000.000</u></b>	<b>100%</b>	<b><u>380.000.000.000</u></b>	<b>100%</b>

#### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+Vốn góp đầu kỳ	380.000.000.000	380.000.000.000
+Vốn góp tăng trong kỳ	-	
+Vốn góp giảm trong kỳ	-	
+Vốn góp cuối năm	380.000.000.000	380.000.000.000
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia		38.000.000.000

#### d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

#### e) Các quỹ của công ty:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	10.000.139.589	8.170.687.361
- Quỹ dự phòng tài chính	10.000.139.589	8.170.687.361
<b>Cộng</b>	<b><u>20.000.279.178</u></b>	<b><u>16.341.374.722</u></b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thanh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH:

#### 18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.717.060.338.782	1.286.898.176.964
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.780.336.712	52.334.260.841
Doanh thu bất động sản đầu tư	15.797.762.701	3.873.923.953
Doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng		6.887.351.818
Doanh thu từ đầu cá	33.377.396.362	
Doanh thu khác	396.883.788	
<b>Cộng</b>	<b>1.816.412.718.345</b>	<b>1.349.993.713.576</b>

#### 19 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán		16.450.629.000
Hàng bán bị trả lại	11.999.007.025	2.385.705.600
<b>Cộng</b>	<b>11.999.007.025</b>	<b>18.836.334.600</b>

#### 20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.716.006.338.782	1.269.433.142.364
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	49.780.336.712	52.334.260.841
Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	4.852.755.676	2.502.623.953
Doanh thu thuần từ đầu tư xây dựng hạ tầng		6.887.351.818
Doanh thu từ đầu cá	33.377.396.362	
Doanh thu khác	396.883.788	
<b>Cộng</b>	<b>1.804.413.711.320</b>	<b>1.331.157.378.976</b>

#### 21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1.529.042.217.119	1.053.563.294.491
Giá vốn cung cấp dịch vụ	50.251.000.024	52.386.684.405
Giá vốn bất động sản đầu tư	3.171.018.598	3.907.447.757
Giá vốn từ đầu tư xây dựng hạ tầng		8.427.457.269
Giá vốn từ đầu cá	38.021.344.226	
Giá vốn khác	396.883.567	
<b>Cộng</b>	<b>1.620.882.463.534</b>	<b>1.118.284.883.922</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I  
 QL. 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	453.705.626	1.117.701.800
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.516.705.681	3.035.434.846
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		5.623.129.575
- Lãi bán hàng trả chậm	55.545.353	570.850.667
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	235	273.314.404
<b>Cộng</b>	<b>16.025.956.895</b>	<b>10.620.431.292</b>

### 23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	49.693.949.311	63.713.073.590
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.935.647.321	2.896.865.333
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	694.786.607	144.584.658
- Lập dự phòng/hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư	(2.239.592.499)	1.153.239.866
- Lỗ do thanh lý khoản đầu tư		8.356.869.895
- Chi phí tài chính khác	151.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>62.235.790.740</b>	<b>76.264.633.342</b>

### 24 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.223.090.570	1.430.357.357
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (*)	(2.172.938.238)	(6.655.420.699)
<b>Cộng</b>	<b>(949.847.668)</b>	<b>(5.225.063.342)</b>

### 25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	41.098.539.573	36.589.044.556
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>	<b>1.082</b>	<b>963</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thanh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 26 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.214.078.409.918	962.526.335.505
Chi phí nhân công	100.728.267.974	74.812.093.614
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.361.473.559	23.892.476.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.572.092.061	17.272.374.996
Chi phí khác bằng tiền	5.731.033.522	4.328.743.496
<b>Cộng</b>	<b>1.374.471.277.034</b>	<b>1.082.832.024.517</b>

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. ÁP DỤNG QUY ĐỊNH KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ V.5 đến V.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

#### 2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

##### 2.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Năm 2013

Thu nhập của các thành viên chủ chốt 1.544.724.268 VND

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CPĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Công ty góp vốn
Cty CPĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết
Cty CPĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Công ty liên kết
Cty CPĐT TC và Truyền thông Quốc tế	Công ty liên kết
Công ty CP Nhựt Hồng	Công ty góp vốn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Năm 2013

Đơn vị tính: VND

#### 2.2 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CPĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	- Bán cá thành phẩm	738.727.620.225
	- Xây dựng Nhà máy chế biến dầu cá	55.702.500.200
	- Mua cá tra nguyên liệu	212.971.858.348
	- Trả lại 83 nền KDC Bình Khánh	10.753.380.000
	- Phải trả uỷ thác xuất khẩu	526.137.980.554
	- Thuê đất	31.000.000.000
	- Đóng hộ BHXH	356.559.500
	- Mua cổ phiếu ASM	13.364.863.281
	- Phí uỷ thác, cước vận chuyển	30.060.720.305
Công ty CPĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	- Mua dầu cá	29.220.926.900
	- Cho mượn tiền	1.900.000.000
Công ty CPĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Bán phụ phẩm cá	186.796.989.425
	- Phải trả tiền uỷ thác xuất khẩu	199.239.356.389
	- Thu tiền thuê đất	9.237.248.000
	- Thu tiền bán tài sản	2.048.130.000
	- Cho mượn tiền	10.700.000.000
	- Thu lại tiền cho mượn	17.180.500.000
	- Phí uỷ thác, cước vận chuyển	10.522.624.285
	- Giảm giá xây dựng	1.266.300.000
Công ty CP Nhựt Hồng	- Góp vốn	9.000.000.000

Tại ngày 31/12/2013, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu VND
Cty CPĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Tiền đất cụm CN Vàm Cống	730.304.000
	Tiền 83 nền KDC Bình Khánh	4.045.880.000
	Phí thu hộ tiền cước tàu phí uỷ thác xuất	3.643.489.900
	Tiền mua cá thành phẩm	94.745.121.004
	Khoản thu chi hộ	12.115.977.964
	Tiền BHXH chi hộ	71.487.500
	Thu tiền cho vay	48.629.450

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu VND
Cty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Phải thu tiền cho mượn	146.504.111
	Phải thu khác	23.623.455
Cty CP ĐTTC và Truyền thông Quốc tế	Phải thu tiền cho mượn	1.250.000.000
Cty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	Phải thu tiền cho mượn	4.011.372.222
	Phải thu khác	185.333.000
Cty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Phải thu khác	14.470.000
	Phải thu tiền bảo hiểm	11.712.000
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
Cty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Phải trả tiền chi hộ BHXH	576.743.525
	Phải trả tiền xây dựng NM CBDC	9.598.000.200
Cty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Phải trả tiền cá fillet UTXK	4.394.205.451
	Phải trả tiền BHXH	7.045.500
Cty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	Phải trả người bán	99.350.000

### 3. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### Khu vực địa lý

Tại ngày 31/12/2013, Công ty có trụ sở tại Tỉnh Đồng Tháp và không có chi nhánh. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán chế biến thủy hải sản.

### 4. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất làm trụ sở hoạt động chính tại QL 80, cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp với thời hạn thuê đất là 50 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thanh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 5. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.521.029.113	21.363.629.685	103.521.029.113	21.363.629.685
Phải thu khách hàng	595.434.248.200	371.259.496.617	595.434.248.200	371.259.496.617
Các khoản phải thu khác	96.060.219.016	83.662.918.453	96.060.219.016	83.662.918.453
<b>Cộng</b>	<b>795.015.496.329</b>	<b>476.286.044.755</b>	<b>795.015.496.329</b>	<b>476.286.044.755</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	855.347.230.064	664.643.079.352	855.347.230.064	664.643.079.352
Phải trả cho người bán	263.652.526.133	205.417.791.302	263.652.526.133	205.417.791.302
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	108.500.916.192	10.310.761.371	108.500.916.192	10.310.761.371
<b>Cộng</b>	<b>1.227.500.672.389</b>	<b>880.371.632.025</b>	<b>1.227.500.672.389</b>	<b>880.371.632.025</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

### 6. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 7. RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thanh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	788.109.578.429	67.237.651.635		855.347.230.064
Phải trả cho người bán	263.652.526.133			263.652.526.133
Các khoản phải trả khác	108.500.916.192			108.500.916.192
<b>Cộng</b>	<b>1.160.263.020.754</b>	<b>67.237.651.635</b>	-	<b>1.227.500.672.389</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 8. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

### 9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Văn Chung

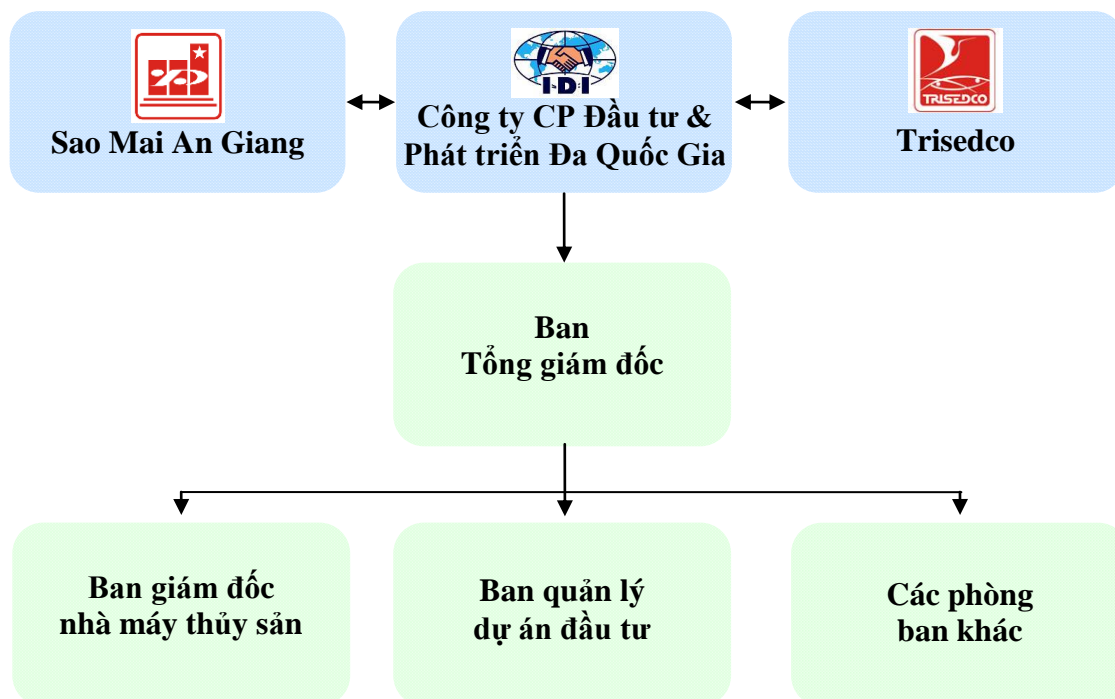
Trần Phước Minh

Lê Xuân Định



## TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CÔNG TY I/ CƠ CẤU TỔ CHỨC

### CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



### CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CÁC BỘ PHẬN TRONG TỔ CHỨC

Ban tổng giám đốc điều hành chung. Ban giám đốc nhà máy thủy sản, ban quản lý dự án đầu tư và các phòng ban khác điều hành trực tiếp sản xuất. Cụ thể như sau:

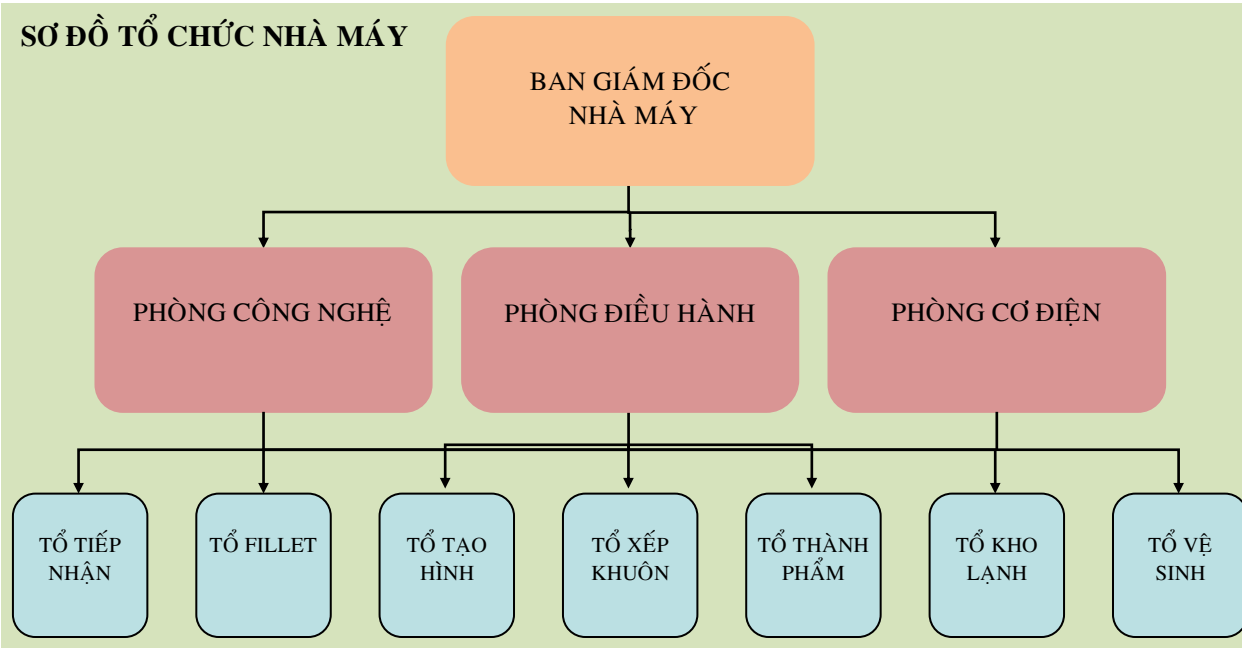
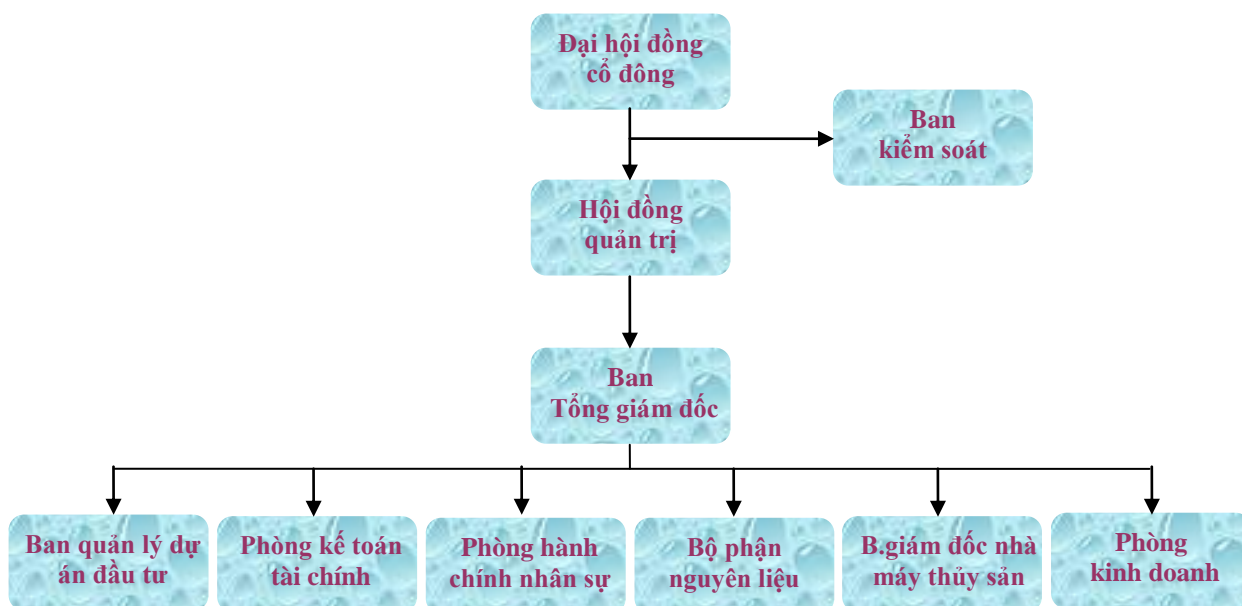
- Ban giám đốc nhà máy thủy sản: Trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động chế biến thủy sản từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến khi sản xuất ra thành phẩm và kiểm định sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.
- Ban quản lý dự án đầu tư: Quản lý và điều hành hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Vàm Cống và các dự án bất động sản tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Các phòng ban khác: Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể được phân công. Mỗi phòng ban đều có các trưởng, phó phòng trực tiếp phụ trách quản lý.



TOÀN CẢNH CỤM CÔNG NGHIỆP VÀM CỐNG NHÌN TỪ SÔNG



## II. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC BỘ PHẬN BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



### 2.1 Hội đồng quản trị

- HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban tổng Giám đốc.

- HĐQT công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017 gồm:

- Ông Lê Thanh Thuận      Chủ tịch.
- Ông Nguyễn Văn Hưng      Phó chủ tịch.
- Ông Lê Văn Chung      Thành viên.
- Ông Lê Xuân Quế      Thành viên.
- Ông Trương Vĩnh Thành      Thành viên.

- Ông Quách Mạnh Hào                      Thành viên.
- Ông Nguyễn Văn San                      Thành viên.

## 2.2 Ban tổng giám đốc

- Ban giám đốc có 06 thành viên gồm 01 Tổng giám đốc và 03 Phó tổng giám đốc, 01 Giám đốc tài chính và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Là bộ phận tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty. Để việc điều hành có hiệu quả, Tổng giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban tổng giám đốc thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.

- Ban tổng giám đốc gồm có:

- Ông Lê Văn Chung                      Tổng Giám đốc.
- Ông Lê Văn Cảnh                      Phó Tổng Giám đốc.
- Ông Phạm Đình Nam                      Phó Tổng Giám đốc.
- Ông Lê Đình Lịch                      Phó Tổng Giám đốc.
- Ông Trương Công Khánh              Giám đốc tài chính.
- Ông Lê Xuân Định                      Kế toán trưởng.

## 2.3 Ban kiểm soát

- Là bộ phận quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

- BKS công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017 gồm:

- Ông Trương Công Khánh              Trưởng ban.
- Bà Nguyễn Thị Hương                      Ủy viên.
- Bà Lê Ngọc An                              Ủy viên.

( Ông Trương Công Khánh đã từ nhiệm và sẽ bầu bổ sung thêm 01 thành viên trong đại hội cổ đông thường niên năm 2014.)

## 2.4 Các phòng ban khác

### a) Phòng kế toán tài chính

Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư, quản lý các nguồn vốn kinh doanh. Phân tích và kiểm soát hiệu quả việc sử dụng vốn đầu tư. Đảm bảo việc hạch toán sổ sách theo chuẩn mực kế toán hiện hành, thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế với khách hàng. Phối hợp các phòng ban lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung dài hạn, giải quyết công nợ với khách hàng.

### b) Phòng hành chính nhân sự

Phụ trách các hoạt động lễ tân, tiếp khách, quản lý và lưu trữ hồ sơ nhân sự. Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

### c) Xí nghiệp phát triển nguyên liệu:

Thực hiện việc quản lý, phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất. Thực hiện triển khai xây dựng vùng nguyên liệu tự chủ theo kế hoạch.

### d) Phòng kinh doanh:

Chịu trách nhiệm xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, các kế hoạch marketing, triển khai các phương án mở rộng thị trường. Liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu.


### III/ CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

#### 2.1 Hội đồng quản trị





ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012



	<p style="text-align: center;"><b>Ông Lê Thanh Thuận – Chủ tịch HĐQT</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số : 350006170 cấp ngày 17/01/2008 tại Tỉnh An Giang</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày sinh : 10/3/1958</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Lê Thanh Thuận sinh tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Tốt nghiệp là kỹ sư xây dựng, từ năm 1977, ông Thuận làm việc tại Sở xây dựng An Giang.</li> <li>- Từ năm 1979, Ông là cán bộ của Sở quản lý nhà đất An Giang.</li> <li>- Năm 1982, ông Thuận được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang. Sau đó, Ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang vào năm 1986.</li> <li>- Từ năm 1992, ông Thuận được cử làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Xây dựng Miền Tây, Bộ Xây Dựng. Đến năm 1997, Ông thành lập và điều hành Công CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.</li> <li>- Năm 2003, ông thành lập công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia (IDI) giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến nay.</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu : 4.927.117 cp, chiếm 12.96% vốn điều lệ.</li> </ul>	

- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ (%)
Lê Ngọc Xuyên	Anh	170774361	23.000	0,06
Lê Văn Thông	Anh	172321457	12.000	0,03
Lê Văn Thủy	Em	351627326	84.375	0,22
Lê Văn Chung	Em	351393479	442.174	1,16
Lê Văn Thành	Em	351400599	6.180	0.016
Lê Thị Thiên Trang	Con	351916791	300.000	0,79
Võ Thị Thanh Tâm	Vợ	351343354	100.000	0,26
Lê Thị Nguyệt Thu	Con	351592182	211.200	0,56

	<p style="text-align: center;"><b>Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó chủ tịch HĐQT</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số : 351139667 cấp ngày 18/04/2007 tại Tỉnh An Giang</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày sinh : 18/05/1954</li> <li>- Địa chỉ thường trú : 49/30 Khúc Thừa Dụ, P.Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Nguyễn Văn Hưng sinh tại Đồng Tháp. Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng, Ông được nhận công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975.</li> <li>- Năm 1989, Ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang; Sau đó, ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang từ năm 1995.</li> <li>- Từ năm 1997, Ông Hưng tham gia góp vốn thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.</li> <li>- Năm 2003, ông tham gia thành lập công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia (IDI) và giữ chức vụ phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến nay.</li> <li>- Ngoài ra, Ông cũng đang giữ vị trí lãnh đạo khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch &amp; Phát triển Thủy Sản.</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu: 483.480 cổ phần, chiếm 1.27% vốn điều lệ.</li> <li>- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có.</li> </ul>	
	<p style="text-align: center;"><b>Ông Lê Văn Chung - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số: 351393479 cấp ngày 09/06/2010 tại Tỉnh An Giang</li> <li>- Giới tính: Nam</li> <li>- Ngày sinh: 1964</li> <li>- Địa chỉ thường trú : Số 72. Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Lê Văn Chung sinh tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp ngành cơ khí, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.</li> <li>- Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức. Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang và được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994. Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang từ năm 1997.</li> <li>- Năm 2003, ông Chung tham gia thành lập và giữ chức vụ thành viên HĐQT công ty IDI.</li> <li>- Từ 2008 đến 22/10/2013, ông Chung giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Cty IDI.</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu : 442.174 cổ phần, chiếm 1,164% vốn điều lệ.</li> </ul>	

- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu/ vốn điều lệ(%)
Lê Ngọc Xuyên	Anh	170774361	23.000	0,06
Lê Văn Thông	Anh	172321457	12.000	0,03
Lê Thanh Thuận	Anh	350006170	4.927.117	12,97
Lê Văn Thủy	Anh	351627326	84.375	0,22
Lê Văn Thành	Em	351400599	6.180	0,016

	<p style="text-align: center;"><b>Lê Xuân Quế - Thành viên HĐQT</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số: 351259440 cấp ngày 08/02/2005 tại Tỉnh An Giang</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày sinh : 25/05/1968</li> <li>- Địa chỉ thường trú : 647B/33. Tôn Thất Thuyết, TP.Long Xuyên, An Giang</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu : 376.760 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Lê Xuân Quế sinh tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Từ năm 1992, Ông công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng sau khi tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng.</li> <li>- Năm 1997, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam trực thuộc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.</li> <li>- Năm 2003, Ông được điều về công tác tại văn phòng công ty Sao Mai sau đó giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Công ty.</li> <li>- Năm 2010, ông Lê Xuân Quế được bầu vào và giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị của công ty IDI cho đến nay.</li> <li>- Ngoài ra, Ông Quế còn giữ các chức vụ quản trị tại các công ty khác như thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư &amp; Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư Du lịch &amp; Phát triển Thủy sản.</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu : 376.760 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ.</li> <li>- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có.</li> </ul>	





**Ông Quách Mạnh Hào – Thành viên HĐQT.**

- CMND số : 012159661 cấp ngày 01/08/1998 tại CA Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/03/1976
- Địa chỉ thường trú : P.501 – Đ 12 – TT Nam Đồng – Đống Đa – Hà Nội


- Ông Quách Mạnh Hào hiện là Ủy viên HĐQT phụ trách hoạt động Nghiên cứu và Dịch vụ ngân hàng đầu tư của MBS.
- Ông Hào gia nhập MBS từ trường Đại học Harvard – nơi ông làm việc với tư cách là một học giả nghiên cứu Fulbright.
- Ông Hào có bằng Thạc sỹ và Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính của Trường Đại học Birmingham (Anh Quốc).
- Ông Hào đã từng làm việc tại các trường đại học Liverpool, Salford, Birmingham, California State tại Long Beach, Đại học Kinh tế Quốc dân và tham gia vào các dự án nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Hoàng Gia Scotland, Ngân hàng Barclays, PricewaterhouseCoopers và nhiều các tổ chức phi chính phủ khác.
- Ông Hào có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực tư vấn đầu tư và tư vấn doanh nghiệp với sự hiểu biết chuyên sâu về các doanh nghiệp và thị trường vốn tại Việt Nam. Ông Hào là diễn giả quen thuộc tại một số hội thảo liên quan đến thị trường chứng khoán, nghiên cứu của ông được đăng tại một số tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.
- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.



**Ông Nguyễn Văn San – Thành viên HĐQT**


- CMND số : 361902934 cấp ngày 18/03/2013 tại CA Cần Thơ
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/11/1964
- Địa chỉ : Lô 48. Khu DC 91/23, đường 30/4, P.Hung Lợi, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ.


- Ông Nguyễn Văn San sinh năm 1964 tại Hải Dương. Ông tốt nghiệp cử nhân kinh tế Đại học Cần Thơ. Quá trình công tác như sau:
- Từ 1989 -1992 : Công ty liên doanh kiến trúc An Giang
- Từ 1992 - 2000 : Công ty Xây dựng miền Tây – Bộ Xây Dựng.
- Từ 2000 - 2005 : Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai
- Từ 2005 – 2011 : Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia
- Năm 2010, ông San được bầu và giữ chức vụ thành viên HĐQT công ty IDI.
- Từ 01/4/2011 - 22/10/2013: ông San giữ chức vụ thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
- Từ 23/10/2013 ông từ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc tuy nhiên vẫn là thành viên HĐQT IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có.

	<p style="text-align: center;"><b>Ông Trương Vĩnh Thành – Thành viên HĐQT.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số : 352244166 cấp ngày 04/03/2010 tại CA An Giang</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày sinh : 07/7/1977</li> <li>- Địa chỉ thường trú: Số 83.Lô E1, Khu ĐT Sao Mai, TP.Long Xuyên, An Giang</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Trương Vĩnh Thành sinh ở Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng Đại học Bách khoa TPHCM năm 1999.</li> <li>- Từ năm 1999-2001: Phó phòng, trợ lý giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Cty CP Đầu tư &amp; Xây dựng Sao Mai.</li> <li>- Từ năm 2001-2004: Giám đốc Cty tư vấn thiết kế Điện hình An Giang, trưởng phòng KCS, TP. Marketing Cty CP Đầu tư &amp; Xây dựng Sao Mai.</li> <li>- Từ năm 2005-2007: TP Quản lý Đầu tư Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai kiêm P.Tổng giám đốc Cty Đầu tư &amp; Phát triển Đa Quốc Gia.</li> <li>- Năm 2008 - 2011: Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.</li> <li>- Từ 2011 đến nay: Thành viên hội đồng quản trị Cty Cổ phần Đầu tư &amp; Phát triển Đa Quốc Gia, Thành viên hội đồng quản trị công ty Trisedco, Phó Tổng giám đốc Cty Cổ phần Đầu tư &amp; Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu: 14.700 cổ phần, chiếm 0.039% vốn điều lệ.</li> <li>- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có.</li> </ul>	

## 2.2 Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Văn Chung – Tổng Giám đốc.(đã tóm tắt ở trên).

	<p style="text-align: center;"><b>Ông Phạm Đình Nam – Phó Tổng Giám đốc.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số : 351333247 cấp ngày 29/06/2008 tại CA An</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày sinh : 08/02/1969</li> <li>- Địa chỉ thường trú : 19/04 .Trần Hưng Đạo – P.Mỹ Quý –TP.Long –AG</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Phạm Đình Nam sinh tại thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông Nam tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng tại Trường Xây dựng Miền Tây, quá trình công tác như sau:</li> <li>- Từ 1991-1993 : Đội trưởng đội xây dựng số 6 thuộc XNXD Tây Sông Hậu</li> <li>- Từ 1994-1997 : Đội XD thuộc xí nghiệp XD Tây Sông Hậu</li> <li>- Từ 1998-2005 : Giám đốc XN Phương Nam thuộc công ty CP Đầu tư &amp; Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.</li> <li>- Từ 2006- 2009 : Giám đốc ban quản lý dự án Sao Mai Bến Tre</li> <li>- Từ 2009- 2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản ( Trisedco)</li> <li>- Từ 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu: 153.500 cổ phần, chiếm 0,4% vốn điều lệ.</li> <li>- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có.</li> </ul>	

	<p style="text-align: center;"><b>Ông Lê Văn Cảnh – Phó Tổng giám đốc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số: 352272634 cấp ngày 11/08/2010 tại Công An tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Giới tính: Nam</li> <li>- Ngày sinh: 10/09/1975</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 46 Lê Hoàn, phường Bình Khánh , TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.</li> </ul>
<p>- Ông Lê Văn Cảnh sinh tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông tốt nghiệp kỹ sư xây dựng ngành xây dựng.</p> <p>Quá trình công tác như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 2000 – 2005: Đội trưởng đội xây dựng số 9 thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnh An Giang.</li> <li>- Từ 2005 – 2006: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnh An Giang.</li> <li>- Từ 2006 – 2010: Phó giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng Cụm Công nghiệp Vàm Cống.</li> <li>- Từ 2010 đến nay: Làm Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI.</li> </ul>	
	<p style="text-align: center;"><b>Ông Lê Đình Lịch - Phó Tổng giám đốc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số : 113242305 cấp ngày 04-6-2003 tại CA Hòa Bình.</li> <li>- Giới tính : Nam.</li> <li>- Ngày sinh: 12-5-1957.</li> <li>- Địa chỉ thường trú : Tổ 2A Phường Tân Thịnh TP. Hòa Bình tỉnh Hòa Bình.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Lê Đình Lịch sinh tại Xã Dân Quyền huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Ông tốt nghiệp khoa tiếng Nga trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà nội và tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng Trường Đại học xây dựng Hà Nội.</li> </ul> <p>Qua trình công tác như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1975 – 1978 : Học tại Liên Xô ( cũ ).</li> <li>- Từ 1979 – 1993 : Tham gia xây dựng Thủy điện Sông Đà Hòa bình.</li> <li>- Từ 1993 – 1997 : Quản đốc phân xưởng May công nghiệp Tổng đội thanh niên Sông Đà.</li> <li>- Từ 1997 – 2007: Phó Giám đốc, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty May xuất khẩu 3-2 Hòa Bình.</li> <li>- Từ 2007 – 2009 : Giám đốc Chi nhánh Công ty CPĐT &amp; XD Sao Mai tại tỉnh hòa Bình.</li> <li>- Từ 2009 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CPĐT &amp; PT Đa quốc gia.</li> </ul>	



	<p style="text-align: center;"><b>Ông Trương Công Khánh – Giám Đốc Tài Chính</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số : 341365203 cấp ngày 23/8/2008 tại CA Đồng Tháp.</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày sinh : 13/3/1987</li> <li>- Địa chỉ thường trú: Ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Trương Công Khánh Sinh tại An Lạc, Định An, Lấp Vò, Đồng Tháp.</li> <li>- Năm 2009 tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành kế toán kiểm toán.</li> <li>- Tháng 08 năm 2009 làm việc tại Ban kiểm toán nội bộ Công Ty CP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành.</li> <li>- Tháng 11/2011 Làm Kế toán Trưởng Công Ty CP Đầu Tư Địa Ốc &amp; Khoáng Sản Châu Á.</li> <li>- Tháng 10/2013 Làm GĐTC Công Ty CP Đầu Tư &amp; Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có</li> </ul>	
	<p style="text-align: center;"><b>Ông Lê Xuân Định – Kế toán trưởng.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số: 172620734 cấp ngày 10/04/2003 tại CA Thanh Hoá..</li> <li>- Giới tính: Nam.</li> <li>- Ngày sinh : 04/03/1985</li> <li>- Địa chỉ thường trú : Số 333. Ấp An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Lê Xuân Định sinh tại Minh Khôi, Nông Cống Thanh Hóa.</li> <li>- Năm 2007 Ông Lê Xuân Định tốt nghiệp cử nhân kế toán và cũng trong năm 2007 ông làm việc tại phòng kế toán Công ty CP Đầu Tư &amp; PT Đa Quốc Gia IDI.</li> <li>- Năm 2011 ông Lê Xuân Định giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty CP Đầu Tư &amp; PT Đa Quốc Gia IDI cho đến nay.</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có</li> </ul>	

### 2.3 Ban kiểm soát

- a) Bà Nguyễn Thị Hương – Ủy viên.
- CMND số : 351573787 cấp ngày 09/10/1999 tại CA An Giang
  - Giới tính : Nữ
  - Ngày sinh : 1984
  - Địa chỉ thường trú : Số 34D3. Lý Bôn, P.Bình Khánh-TP.Long Xuyên,AG.
  - Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.

b) Bà Lê Thị Ngọc An – Ủy viên.

- CMND số : 172341816 cấp ngày 24/10/2002 tại CA Thanh Hóa
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 05/10/1986
- Địa chỉ thường trú : Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

### III/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số CMND ĐKKD	Ngày cấp CMND ĐKKD	Nơi cấp CMND ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu giữ chức vụ trong ban điều hành	Thời điểm không còn giữ chức vụ trong ban điều hành	Lý do
1	Trương Công Khánh	Trưởng ban. Kiểm soát	341365203	23/08/2018	CA.Đồng Tháp	Lấp Vò, Đồng Tháp	19/05/2012	19/08/2013	Vì công việc riêng.
2	Nguyễn Văn San	Tổng Giám Đốc	361902934	18/03/2013	CA.Cần Thơ	TP.Cần Thơ	01/04/2011	23/10/2013	Theo quyết định số 2311/QĐ-HĐQT ngày 23/11/2013
3	Lê Văn Chung	Phó.Tổng Giám Đốc	351393479	09/06/2010	CA.An Giang	Long Xuyên An Giang	15/04/2009	23/10/2013	Theo Quyết định 2310/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2013
4	Lê Văn Chung	Tổng Giám Đốc	351393479	09/06/2010	CA.An Giang	Long Xuyên An Giang	23/10/2013	Hiện đang giữ chức vụ Tổng Giám Đốc	Theo Quyết định 2310/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2013
5	Đình Hoài Ân	Giám đốc tài chính	351156439	17/11/2005	CA.An Giang	Long Xuyên An Giang	18/10/2013		Theo quyết định 246/QĐ-CT.HĐQT ngày 18/10/2013
6	Trương Công Khánh	Giám Đốc Tài Chính	341365203	23/08/2008	CA.Đồng Tháp	Lấp Vò Đồng Tháp	18/10/2013	Hiện đang giữ chức vụ Giám Đốc Tài Chính	Theo quyết định 247/QĐ-CT.HĐQT ngày 18/10/2013

### V/ NGUỒN NHÂN LỰC

#### 4.1 Lực lượng lao động

- Năm 2013, công ty đã thực hiện tuyển dụng và đào tạo được nhiều kỹ sư, cử nhân giỏi và công nhân có tay nghề cao từ 2.021 người lúc đầu năm 2013 và tăng lên 2.528 người lúc cuối năm 2013 để bổ sung cho nhà máy tinh luyện dầu cá và phân xưởng chế biến cá tra giai đoạn 3.

- Trong năm 2013 Công ty cũng đã thực hiện nhiều chính sách đào tạo cán bộ theo chiều sâu mà cụ thể là đã cử 20 cán bộ đi du học tại Trung Quốc. Với nhiệm vụ vừa học vừa phát triển thị trường Trung Quốc đi kèm với việc quản lý khách hàng cũng như việc thu hồi công nợ tại thị trường Trung Quốc. Cử các cán bộ chuyên trách tham gia các lớp huấn luyện, học tập nghiệp vụ chuyên môn cũng như nắm bắt các thay đổi, các quy định mới về thuế, về quản lý chất lượng...Không những thế một số bộ phận quan trọng của công ty cũng được cử đi

đào tạo chuyên môn tại các nước phát triển như: Mỹ, Singapore, Châu Âu... Trong năm Công ty cũng có mời các chuyên gia nước ngoài về công ty để tư vấn hướng dẫn và đào tạo để các cán bộ để nâng cao trình độ tay nghề, nắm bắt công nghệ mới phát triển nguồn nhân lực trẻ giúp công ty phát triển được bền vững.

- Công ty cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi như bố trí hai nhà ăn thoáng mát hợp vệ sinh. Các món ăn của Công nhân viên của công ty được luân phiên nhằm đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng, hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm để có sức khỏe tốt và làm việc hiệu quả. Ngoài ra Công ty cũng hỗ trợ chi phí qua phà, hỗ trợ xe về nghỉ tết âm lịch, bố trí nhà ở cho CB-CNV và người lao động của công ty để mọi người an tâm làm việc.

### BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Stt	Trình độ học vấn	Số lao động
1	Đại học và trên đại học	101
2	Cao đẳng	25
3	Trung cấp và kỹ thuật viên	54
4	Dưới trung cấp	43
5	Công nhân phổ thông	2.305
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>2.528</b>

#### 4.2 Chính sách đối với người lao động

- Năm 2013, công ty tuyển dụng hơn 500 công nhân và liên kết với Trung tâm dạy nghề đào tạo sơ cấp cho toàn bộ lao động phổ thông. Đây là lực lượng lao động tương đối lớn do tăng năng suất sản xuất. Nhưng công ty vẫn luôn đảm bảo các chế độ chính sách đối với người lao động theo qui định của luật lao động như ốm đau, sinh sản . . .

- Thu nhập bình quân của CB-CNV là 8 triệu đồng/người/tháng, công nhân là 4,5 triệu đồng/người/tháng. Thực hiện chính sách thưởng trong các ngày lễ như 8/3, 30/4, 1/5, 2/9, tết dương lịch và âm lịch. Mỗi tháng, công ty đều có thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, chấp hành tốt các quy định.

- Công ty hỗ trợ suất ăn trưa mỗi ngày và đồng phục mỗi năm. Riêng lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và tuân thủ an toàn lao động.

#### 4.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Xây dựng lương thưởng theo hướng sáng tạo và đóng góp của người lao động. Thi đua sản xuất, cải tiến tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuyển lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc, trẻ có tay nghề cao.

- Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, GMP, SQF, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.

- Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội qui lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức.



**THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY****I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY****1.1 Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012 – 2017 có 07 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, một P.Chủ tịch HĐQT và 05 thành viên HĐQT. Trong đó, có 01 thành viên tham gia điều hành và 06 thành viên không tham gia điều hành.

- Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để giải quyết các vấn đề quan trọng của công ty. Số thành viên HĐQT dự họp luôn đảm bảo tỷ lệ 100%. Trong đó, có một thành viên vì điều kiện công tác ở Hà Nội nên ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT.

**1.2 Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017 có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 ủy viên. Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức nhiều cuộc họp, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, quy chế chế của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ và tích cực theo đúng tinh thần và trách nhiệm mà đại hội đồng cổ đông giao.

**II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG****2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty.**

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty IDI theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 404/2013-IDI/VSD-ĐK ngày 10/4/2013 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh với cổ đông được chốt vào ngày 08/04/2013 đã lưu ký như sau:

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% CỔ PHẦN**

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thanh Thuận	350006170	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	4.927.117	12,97
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang <i>Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Thuận</i>	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	8.566.479	22,54
3	Công ty CP Chứng khoán Thăng Long	05/GCNTVLK-1	Tầng 06, Tòa Nhà Toserco 273 Kim Mã, Ba Đình, HN	5.984.940	15,75
<b>Tổng cộng:</b>				<b>19.478.536</b>	<b>51,26</b>

**2.2 Danh sách cổ đông sáng lập**

Danh sách cổ đông sáng lập của công ty IDI theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 01/4/2011 và theo danh sách cổ đông chốt ngày 10/4/2013 đã lưu ký như sau:

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thanh Thuấn	350006170	326. Hùng Vương - TP.LX – AG.	4.927.117	12,97
2	Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang. Đại diện pháp luật: Ông Lê Thanh Thuấn.	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	8.566.479	22,54
3	Nguyễn Văn Hưng	351139667	49/30. Khúc Thừa Dụ -TP.LX	483.480	1,27
4	Lê Văn Chung	351393479	72. Trần Nhật Duật - TP.LX	442.174	1,16
5	Lê Xuân Quế	233088390	647B/33. Trần Hưng Đạo – LX	376.760	0,99
6	Trương Vĩnh Thành	352244166	83E1. Khu Sao Mai - Bình Khánh 3 – TP.LX	14.700	0,04
7	Lê Văn Cảnh	35272634	P.Bình Khánh - TP.Long Xuyên.	6.400	0,02
8	Phạm Đình Nam	351333247	72. Trần Nhật Duật - TP.LX.	153.500	0,40
9	Trần Văn Cừ	351700797	84E1. Khu ĐTCC Sao Mai – Bình Khánh 3 – LX	958.170	2,52
10	Lê Xuân Quang	172345460	Xuân Thịnh - Triệu Sơn – Thanh Hóa		
11	Phan Văn Đạt	350038725	544B. Hà Hoàng Hồ - TP.LX	40.000	0,11
12	Lê Văn Thông	172321457	01. Trương Định – TP.LX	12.000	0,03
13	Lê Văn Thành	351400599	706B. Hà Hoàng Hồ - TP.LX	178.185	0,47
14	Lê Văn Thủy	351627326	645/33. Trần Hưng Đạo – TP.LX.	84.375	0,22
15	Lê Khắc Tám	350791747	219. Nguyễn Trường Tộ - LX	212.450	0,56
<b>Tổng cộng:</b>				<b>16.455.790</b>	<b>43,30</b>

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy CNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ”.

Hiện nay, quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập nêu trên đã hết hiệu lực đối với trường hợp các cổ đông sáng lập của công ty IDI.

### 2.3 Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông được chốt vào ngày 10/4/2013, cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

#### CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng:	
	SL cổ phiếu	Tỷ lệ	SL cổ phiếu	Tỷ lệ	SL cổ phiếu	Tỷ lệ
<b>1. Cổ đông nhà nước</b>						
<b>2. Cổ đông nội bộ</b>	<b>6.404.131</b>	<b>16,85%</b>			<b>6.404.131</b>	<b>16,85%</b>
- Hội đồng quản trị	6.244.231	16,43%			6.244.231	16,43%
- Ban giám đốc	159.900	0,42%			159.900	0,42%
- Kế toán trưởng						
- Ban kiểm soát						
<b>3. Cổ đông công ty:</b>	<b>37.991.800</b>	<b>99,98%</b>	<b>8.200</b>	<b>0,02%</b>	<b>38.000.000</b>	<b>100%</b>
- Cá nhân	22.958.401	60,42%	8.100	0,02%	22.966.501	60,44%
- Tổ chức	15.033.399	39,56%	100	0,00%	15.033.499	39,56%

#### CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng:	
	SL cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	SL cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	SL cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông sáng lập	16.455.790	43,30			16.455.790	43,30
- Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết.	19.478.536	51,26			19.478.536	51,26
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết.	12.407.200	32,65	8.200	0,02	12.415.400	32,67

### 2.4 Doanh nghiệp là cổ đông lớn của IDI.

Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang

- Vốn điều lệ : 476.834.400.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 47.683.440 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập ngày : 05/03/1997 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600169024, thay đổi lần thứ 22 ngày 20/12/2013.
- Điện thoại : 076 3840 138 Fax: 076 3840 139.
- Website : www.saomaiaog.vn Email: thuansaomai@hotmail.com
- Mã số thuế : 16001690241.
- Đại diện theo Pháp luật: Ông **Lê Thanh Thuận** – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính:



- Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản.

- Tình hình cổ phần:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ IDI	Số vốn cổ phần của ASM đến 24/04/2012	Tỷ lệ (%)	Số vốn cổ phần của ASM đến 10/04/2013	Tỷ lệ (%)
380.000.000.000	85.664.790.000	22,54%	85.664.790.000	22,54%



## 2.5 Doanh nghiệp là công ty liên kết của IDI đang:

a). Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco.

- + Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 15.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ: Quốc lộ 80. Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- + Thành lập ngày: Ngày 15/03/2008 theo giấy CNĐKKD số 5203000095, thay đổi lần thứ 10 ngày 23/09/2013 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600895650.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Xuân Quế** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
  - Nuôi trồng thủy sản nội địa.
  - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
  - Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.
  - Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.

+ Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ Trisedco	Số vốn đã góp của IDI đến 01/01/2013	Tỷ lệ (%)	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2013	Tỷ lệ (%)
150.000.000.000	68.000.000.000	45,33%	68.000.000.000	45,33%



Nhà máy chế biến Bột cá - Dầu cá

b). Công ty CP Đầu tư Địa ốc & Khoáng sản Châu Á – AIM.

- + Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- + Thành lập ngày : 02/07/2010 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1401274641 và thay đổi lần thứ 05 ngày 26/11/2013.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Văn Chính** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
  - o Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Xây dựng công trình dân dụng.
  - o Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- + Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ AIM	Số vốn đã góp của IDI đến 01/01/2013	Tỷ lệ (%)	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2013	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	11.219.500.000	20%	20.319.500.000	20%

c). Công ty CP Tư vấn & Đầu tư Tài chính – ASTAR.

- + Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : 326. Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang.
- + Thành lập ngày : 12/10/2000 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600583700 và thay đổi lần thứ 9 ngày 14/07/2011.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Bùi Cao Cường** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
  - o Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
  - o Nuôi trồng thủy sản nội địa. Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.
- + Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ ASTAR	Số vốn đã góp của IDI đến 01/01/2013	Tỷ lệ (%)	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2013	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	30.000.000.000	25%	32.850.000.000	25%